

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN  
TRƯỜNG MẦM NON TÂN HIỆP

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

| TT | Họ và tên             | Chứa danh,<br>chức vụ                         | Nhiệm vụ                 | Chữ ký |
|----|-----------------------|-----------------------------------------------|--------------------------|--------|
| 01 | Lý Tú Hồng            | Hiệu trưởng                                   | Chủ tịch<br>hội đồng     |        |
| 02 | Dương Thị Hồng        | Phó hiệu trưởng                               | Phó Chủ tịch<br>hội đồng |        |
| 03 | Trần Thị Thúy Kiều    | Phó hiệu trưởng                               | Ủy viên<br>hội đồng      |        |
| 04 | Phạm Thị Trường An    | Văn thư                                       | Thư ký<br>hội đồng       |        |
| 05 | Nguyễn Thị Anh Chi    | Giáo viên -<br>Chủ tịch công đoàn             | Ủy viên<br>hội đồng      |        |
| 06 | Nguyễn Thị Hồng Nhung | Giáo viên-<br>Bí thư chi đoàn                 | Ủy viên<br>hội đồng      |        |
| 07 | Nguyễn Thị Hường      | Tổ trưởng<br>tổ Nhà trẻ -Mẫu<br>giáo 3-4 tuổi | Ủy viên<br>hội đồng      |        |
| 08 | Lê Nguyễn Diễm Thi    | Tổ trưởng<br>tổ Mẫu giáo<br>4-5 tuổi          | Ủy viên<br>hội đồng      |        |

|    |                     |                                      |                     |  |
|----|---------------------|--------------------------------------|---------------------|--|
| 09 | Hoàng Thị Ngọc Diễm | Tổ trưởng<br>tổ Mẫu giáo<br>5-6 tuổi | Ủy viên<br>hội đồng |  |
| 10 | Dương Thị Trà My    | Tổ trưởng<br>tổ văn phòng            | Ủy viên<br>hội đồng |  |
| 11 | Nguyễn Thị Liễu     | Tổ trưởng<br>tổ cấp dưỡng            | Ủy viên<br>hội đồng |  |

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2021

## MỤC LỤC

| <b>NỘI DUNG</b>                                                                                       | <b>Trang</b> |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| Mục lục                                                                                               | 01           |
| Tổng hợp kết quả tự đánh giá                                                                          | 03           |
| <b>Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU</b>                                                                          | 05           |
| <b>Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>                                                                           | 11           |
| <b>A. ĐẶT VẤN ĐỀ</b>                                                                                  | 11           |
| <b>B. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>                                                                                 | 13           |
| <b>Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường</b>                                                    | 13           |
| <b>Mở đầu</b>                                                                                         | 13           |
| <b>Tiêu chí 1.1:</b> Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường                       | 14           |
| <b>Tiêu chí 1.2:</b> Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác. | 16           |
| <b>Tiêu chí 1.3:</b> Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường    | 18           |
| <b>Tiêu chí 1.4:</b> Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng                      | 20           |
| <b>Tiêu chí 1.5:</b> Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo                                                 | 25           |
| <b>Tiêu chí 1.6:</b> Quản lý hành chính, tài chính và tài sản                                         | 26           |
| <b>Tiêu chí 1.7:</b> Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên                                           | 28           |
| <b>Tiêu chí 1.8:</b> Quản lý các hoạt động giáo dục                                                   | 30           |
| <b>Tiêu chí 1.9:</b> Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở                                                  | 32           |
| <b>Tiêu chí 1.10:</b> Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học                                     | 33           |
| Kết luận về Tiêu chuẩn 1                                                                              | 36           |
| <b>Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên</b>                                             | 37           |
| <b>Mở đầu</b>                                                                                         | 37           |
| <b>Tiêu chí 2.1:</b> Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng                                             | 37           |
| <b>Tiêu chí 2.2:</b> Đối với giáo viên                                                                | 41           |

|                                                                                                                     |      |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| <b>Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên</b>                                                                              | 45   |
| Kết luận về Tiêu chuẩn 2                                                                                            | 46   |
| <b>Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học</b>                                                             | 47   |
| <b>Mở đầu</b>                                                                                                       | 47   |
| <b>Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn</b>                                                              | 47   |
| <b>Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập</b>                                | 50   |
| <b>Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị</b>                                                               | 52   |
| <b>Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn</b>                                                                          | 54   |
| <b>Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi</b>                                                                     | 56   |
| <b>Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước</b>                                                           | 59   |
| Kết luận về Tiêu chuẩn 3                                                                                            | 61   |
| <b>Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội</b>                                                    | 62   |
| <b>Mở đầu</b>                                                                                                       | 62   |
| <b>Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ</b>                                                                        | 62   |
| <b>Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường</b> | 64   |
| Kết luận về Tiêu chuẩn 4                                                                                            | 67   |
| <b>Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ</b>                                        | 68   |
| <b>Mở đầu</b>                                                                                                       | 68   |
| <b>Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non</b>                                                        | 68   |
| <b>Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ</b>                                         | 71   |
| <b>Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe</b>                                                        | 73   |
| <b>Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục</b>                                                                               | 76   |
| Kết luận về Tiêu chuẩn 5                                                                                            | 78   |
| <b>Phần III: KẾT LUẬN CHUNG</b>                                                                                     | 79   |
| <b>Phần IV: PHỤ LỤC</b>                                                                                             | 1-12 |

## TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

### 1. Kết quả đánh giá

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Kết quả   |       |       |       |
|-------------------------|-----------|-------|-------|-------|
|                         | Không đạt | Đạt   |       |       |
|                         |           | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 |
| <b>Tiêu chuẩn 1</b>     |           |       |       |       |
| Tiêu chí 1.1            |           | x     |       |       |
| Tiêu chí 1.2            |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 1.3            |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 1.4            |           | x     |       |       |
| Tiêu chí 1.5            |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 1.6            |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 1.7            |           | x     |       |       |
| Tiêu chí 1.8            |           | x     |       |       |
| Tiêu chí 1.9            |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 1.10           |           | x     |       |       |
| <b>Tiêu chuẩn 2</b>     |           |       |       |       |
| Tiêu chí 2.1            |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 2.2            |           | x     |       |       |
| Tiêu chí 2.3            |           | x     | x     |       |
| <b>Tiêu chuẩn 3</b>     |           |       |       |       |
| Tiêu chí 3.1            |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 3.2            |           | x     |       |       |
| Tiêu chí 3.3            |           | x     |       |       |
| Tiêu chí 3.4            |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 3.5            |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 3.6            |           | x     |       |       |
| <b>Tiêu chuẩn 4</b>     |           |       |       |       |

|                     |  |   |   |  |
|---------------------|--|---|---|--|
| Tiêu chí 4.1        |  | x | x |  |
| Tiêu chí 4.2        |  | x | x |  |
| <b>Tiêu chuẩn 5</b> |  | x |   |  |
| Tiêu chí 5.1        |  | x | x |  |
| Tiêu chí 5.2        |  | x | x |  |
| Tiêu chí 5.3        |  | x | x |  |
| Tiêu chí 5.4        |  | x | x |  |

**Kết quả:** đạt Mức 1.

**2. Kết luận:** Trường đạt Mức 1.

**Phần I**  
**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường: Trường Mầm non Tân Hiệp

Tên trước đây: Trường Mẫu giáo Măng Non

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn

|                                                           |                |                                    |                                                                         |
|-----------------------------------------------------------|----------------|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| Tỉnh/ thành phố<br>trực thuộc Trung<br>ương               | Hồ Chí<br>Minh | Họ và tên<br>hiệu trưởng           | Lý Tú Hồng                                                              |
| Huyện/ quận/ thị<br>xã/ thành phố                         | Hóc Môn        | Điện thoại                         | (028).38914231                                                          |
| Xã/ phường/ thị<br>trần                                   | Tân Hiệp       | Fax                                | Không                                                                   |
| CQG                                                       | Không          | Website                            | <a href="https://mntanhiep.hcm.edu.vn">https://mntanhiep.hcm.edu.vn</a> |
| Năm thành lập<br>trường (theo<br>quyết định thành<br>lập) | 2005           | Số điểm<br>trường                  | 01 điểm chính                                                           |
| Công lập                                                  | X              | Loại hình<br>khác                  | Không                                                                   |
| Tư thực                                                   | Không          | Thuộc vùng<br>khó khăn             | Không                                                                   |
| Dân lập                                                   | Không          | Thuộc vùng<br>đặc biệt khó<br>khăn | Không                                                                   |
| Trường liên kết<br>với nước ngoài                         | Không          |                                    |                                                                         |

### 1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

|                                  | Năm học<br>2016-2017 | Năm học<br>2017-2018 | Năm học<br>2018-2019 | Năm học<br>2019-2020 | Năm học<br>2020-2021 |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| Nhóm trẻ từ 6 đến 18 tháng tuổi  | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   |
| Nhóm trẻ từ 19 đến 24 tháng tuổi | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   |
| Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi | 01                   | 01                   | 01                   | 01                   | 01                   |
| Số lớp mẫu giáo 3-4 tuổi         | 03                   | 03                   | 03                   | 02                   | 02                   |
| Số lớp mẫu giáo 4-5 tuổi         | 03                   | 03                   | 03                   | 03                   | 03                   |
| Số lớp mẫu giáo 5-6 tuổi         | 04                   | 04                   | 04                   | 04                   | 04                   |
| <b>Cộng</b>                      | <b>11</b>            | <b>11</b>            | <b>11</b>            | <b>10</b>            | <b>10</b>            |

### 2. Cơ cấu khối công trình nhà trường

| TT | Số liệu                           | Năm học<br>2016-2017 | Năm học<br>2017-2018 | Năm học<br>2018-2019 | Năm học<br>2019-2020 | Năm học<br>2020-2021 |
|----|-----------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| I  | Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo | 11                   | 11                   | 11                   | 10                   | 10                   |
| 1  | Phòng kiên cố                     | 11                   | 11                   | 11                   | 10                   | 10                   |
| 2  | Phòng bán kiên cố                 | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   |

|            |                                                    |    |    |    |    |    |
|------------|----------------------------------------------------|----|----|----|----|----|
| 3          | Phòng tạm                                          | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| <b>II</b>  | Khối phòng<br>phục vụ học<br>tập                   | 11 | 11 | 11 | 10 | 10 |
| 1          | Phòng kiên<br>cố                                   | 11 | 11 | 11 | 10 | 10 |
| 2          | Phòng bán<br>kiên cố                               | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| 3          | Phòng tạm                                          | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| <b>III</b> | Khối phòng<br>hành chính<br>quản trị               | 02 | 02 | 02 | 02 | 02 |
| 1          | Phòng kiên<br>cố                                   | 02 | 02 | 02 | 02 | 02 |
| 2          | Phòng bán<br>kiên cố                               | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| 3          | Phòng tạm                                          | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| <b>IV</b>  | Khối phòng<br>tổ chức ăn                           | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| 1          | Phòng kiên<br>cố                                   | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| 2          | Phòng bán<br>kiên cố                               | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| 3          | Phòng tạm                                          | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| <b>V</b>   | Các công<br>trình, khối<br>phòng chức<br>năng khác | 00 | 00 | 00 | 01 | 01 |

|   |                   |    |    |    |    |    |
|---|-------------------|----|----|----|----|----|
|   | (nếu có)          |    |    |    |    |    |
| 1 | Phòng kiên cố     | 00 | 00 | 00 | 01 | 01 |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| 3 | Phòng tạm         | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
|   | <b>Cộng</b>       | 11 | 11 | 11 | 10 | 10 |

### 3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 10 năm 2020

|                 | Tổng số | Nữ | Dân tộc     | Trình độ đào tạo |           |            | Ghi chú |
|-----------------|---------|----|-------------|------------------|-----------|------------|---------|
|                 |         |    |             | Chưa đạt chuẩn   | Đạt chuẩn | Trên chuẩn |         |
| Hiệu trưởng     | 01      | 01 | 01<br>(Hoa) | 00               | 00        | 01         |         |
| Phó hiệu trưởng | 02      | 02 | 00          | 00               | 00        | 02         |         |
| Giáo viên       | 20      | 20 | 00          | 02               | 08        | 14         |         |
| Nhân viên       | 12      | 10 | 00          | 00               | 10        | 02         |         |
| <b>Cộng</b>     | 35      | 33 | 01          | 02               | 18        | 19         |         |

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

| T | Số liệu                                    | Năm học<br>2016-2017 | Năm học<br>2017-2018 | Năm học<br>2018-2019 | Năm học<br>2019-2020 | Năm học<br>2020-2021 | Ghi chú |
|---|--------------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|---------|
| 1 | Tổng số giáo viên                          | 20                   | 23                   | 20                   | 21                   | 21                   |         |
| 2 | Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với nhóm trẻ) | 40/2<br>= 20         | 40/2<br>= 20         | 40/2<br>= 20         | 25/2<br>= 12.5       | 27/2<br>= 13.5       |         |
| 3 | Tỉ lệ trẻ em/                              | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   | 00                   |         |

|   |                                                                        |                  |                  |                  |                  |                  |  |
|---|------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|--|
|   | giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)                  |                  |                  |                  |                  |                  |  |
| 4 | Tỷ lệ trẻ em/giáo viên (Lớp có trẻ bán trú)                            | 432/21<br>=20,57 | 432/21<br>=20,57 | 400/18<br>=22,22 | 335/19<br>=17,63 | 335/19<br>=17,63 |  |
| 5 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có) | 04               | 04               | 00               | 10               | 02               |  |
| 6 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên                            | 00               | 00               | 00               | 00               | 00               |  |

#### 4. Trẻ em

| TT | Số liệu            | Năm học<br>2017-2018 | Năm học<br>2017-2018 | Năm học<br>2018-2019 | Năm học<br>2019-2020 | Năm học<br>2020-2021                  | Ghi chú |
|----|--------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|---------------------------------------|---------|
| 1  | Tổng số trẻ em     | 472                  | 472                  | 440                  | 360                  | 362                                   |         |
|    | - Nữ               | 234                  | 234                  | 235                  | 190                  | 190                                   |         |
|    | - Dân tộc thiểu số | 09                   | 09                   | 07                   | 05                   | 06 (02 Kơ me;<br>02 Hoa;<br>01 Mường; |         |

|    |                                        |                 |                 |                |                 |                 |  |
|----|----------------------------------------|-----------------|-----------------|----------------|-----------------|-----------------|--|
|    |                                        |                 |                 |                |                 | 01<br>Chăm)     |  |
| 2  | Đối tượng<br>chính sách                | 06              | 06              | 01             | 03              | 03              |  |
| 3  | Khuyết tật                             | 00              | 00              | 00             | 00              | 00              |  |
| 4  | Tuyển mới                              | 202             | 202             | 189            | 130             | 137             |  |
| 5  | Học <sup>2</sup><br>buổi/ngày          | 472             | 472             | 440            | 360             | 362             |  |
| 6  | Bán trú                                | 472             | 472             | 440            | 360             | 362             |  |
| 7  | Tỷ lệ trẻ em<br>/lớp                   | 432/10<br>=43,2 | 432/10<br>=43,2 | 400/10<br>= 40 | 335/9<br>=37,22 | 335/9<br>=37,22 |  |
| 8  | Tỷ lệ trẻ<br>em/nhóm                   | 40/1<br>=40     | 40/1<br>=40     | 40/1<br>=40    | 25/1<br>=25     | 27/1<br>=27     |  |
| 9  | - Trẻ em từ<br>06 đến 18<br>tháng tuổi | 00              | 00              | 00             | 00              | 00              |  |
| 10 | - Trẻ em từ<br>19 đến 24<br>tháng tuổi | 00              | 00              | 00             | 00              | 00              |  |
| 11 | - Trẻ em từ<br>25 đến 36<br>tháng tuổi | 40              | 40              | 40             | 25              | 27              |  |
| 12 | - Trẻ em từ<br>3-4 tuổi                | 105             | 105             | 103            | 70              | 68              |  |
| 13 | - Trẻ em từ<br>4-5 tuổi                | 134             | 134             | 131            | 113             | 114             |  |
| 14 | - Trẻ em từ<br>5-6 tuổi                | 193             | 193             | 166            | 152             | 153             |  |

## **Phần II**

### **TỰ ĐÁNH GIÁ**

#### **A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

##### **1. Tình hình chung của nhà trường**

Trường Mầm non Tân Hiệp được thành lập theo Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, Trường có 01 điểm chính tọa lạc tại số 109 ấp Tân Thới 2, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng diện tích toàn trường là 2.0031,9 m<sup>2</sup>, với 902 m<sup>2</sup> diện tích sân chơi thoáng mát, sạch, đẹp. Nhà bếp thực hiện theo đúng quy trình bếp một chiều, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

Trong những năm qua Trường Mầm non Tân Hiệp đã từng bước nỗ lực đầu tư nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ tạo được uy tín đối với lãnh đạo, các bậc cha mẹ trẻ và nhân dân địa phương. Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ giáo viên đồng đều về kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng sư phạm. Qua quá trình phân đấu của tập thể, nhà trường đã được công nhận danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến; Tập thể lao động xuất sắc; Bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Năm học 2020-2021, nhà trường có 20 giáo viên được phân công phụ trách 11 nhóm, lớp, trong đó đạt trình độ chuẩn có 20/20 giáo viên tỉ lệ 91.67%. Nhà trường hiện có 11 nhóm, lớp từ 25-36 tháng đến 5-6 tuổi với 362 trẻ. Trường có Chi bộ độc lập gồm 18 đảng viên giữ vai trò hạt nhân lãnh đạo trong toàn bộ hoạt động nhà trường, nhiều năm liền đạt danh hiệu từ Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Trong giai đoạn hiện nay, với xu hướng hội nhập quốc tế, đòi hỏi mỗi cơ sở giáo dục phải xác định cụ thể các tiêu chí phấn đấu, nhằm đảm bảo yêu cầu ngày càng cao về chất lượng giáo dục. Trường Mầm non Tân Hiệp tự nhận xét, kiểm tra, dựa trên nguyên tắc độc lập, khách quan và đánh giá trung thực, công khai, minh bạch. Nhằm xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo

dục trẻ. Thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường.

Căn cứ vào hướng dẫn thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục năm học 2020-2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn, trường Mầm non Tân Hiệp tiến hành thực hiện quy trình tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục của đơn vị theo thông tư 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

## 2. Mục đích tự đánh giá

Nhằm giúp nhà trường xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ; Thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường.

Thông qua kết quả tự đánh giá giúp cho tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu của trường. Từ đó có biện pháp khai thác, khắc phục phù hợp để cải thiện chất lượng hoạt động của nhà trường trong những năm tiếp theo nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng quy định.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá Trường Mầm non Tân Hiệp huyện Hóc Môn tiến hành thực hiện quy trình tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục của đơn vị theo Thông tư 19/2018/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non như sau:

Trình tự quá trình tự đánh giá của trường thực hiện qua các bước sau:

- Tháng 8 năm 2020: Hội đồng sư phạm tập huấn và triển khai công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non cho đội ngũ. Thành lập Hội đồng tự đánh giá, xây dựng kế hoạch tự đánh giá và phân công nhiệm vụ từng thành viên.

- Tháng 8 năm 2020: Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.

- Tháng 9 năm 2020: Thảo luận và đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

- Tháng 9 năm 2020: Viết dự thảo báo cáo tự đánh giá.

- Tháng 9 năm 2020: Công bố báo cáo tự đánh giá, lấy ý kiến đóng góp và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá sau khi có các ý kiến góp ý.

- Tháng 10 năm 2020: Công bố báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện trong nội bộ nhà trường và gửi báo cáo tự đánh giá cho Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn.

## **B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

### **1. Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

#### **Mở đầu:**

Trường Mầm non Tân Hiệp có xây dựng kế hoạch phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2021 nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển. Nhà trường có cơ cấu tổ chức khoa học, quản lý các hoạt động giáo dục nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ theo Điều lệ trường mầm non, phân chia trẻ đúng độ tuổi và 100% trẻ được học bán trú ở trường, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Nhà trường thực hiện Quy chế dân chủ trong các hoạt động, quản lý tài chính, tài sản đảm bảo tính công khai minh bạch.

Các hội đồng trong trường làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và có sự phối hợp chặt chẽ để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của chính quyền địa phương và cơ quan quản lý giáo dục cấp trên; thực hiện tốt các phong trào thi đua do ngành giáo dục và địa phương phát động.

***Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường***

Mức 1:

*a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

*b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

*c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.*

Mức 2:

*Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.*

Mức 3:

*Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có xây dựng kế hoạch phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2021 phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-01].

b) Kế hoạch phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt [H1-1.1-01].

c) Sau khi kế hoạch phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được phê duyệt, trường công bố công khai bằng các hình thức như: Thông tin trong các cuộc họp Hội đồng sư phạm; đăng tải kế hoạch trên cổng thông tin điện tử của nhà trường [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03].

Mức 2:

Nhà trường chưa có các giải pháp giám sát, định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh, phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường; cán bộ quản lý thường xuyên họp để đề ra các giải pháp theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch một cách hiệu quả [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

Mức 3:

Nhà trường chưa định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Hiệu trưởng có tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên [H1-1.1-02].

## **2. Điểm mạnh**

Phương hướng chiến lược của Trường Mầm non Tân Hiệp đã xác định được những mục tiêu cụ thể phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường.

## **3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa có các giải pháp giám sát, chưa định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh, phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 10 năm 2020 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng sẽ định kỳ rà soát bổ sung điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Tăng cường phối hợp với cha mẹ trẻ thông qua các buổi họp do trường tổ chức; mời cha mẹ trẻ cùng tham gia giám sát, đóng góp ý kiến hoặc đề xuất các giải pháp góp phần cùng nhà trường thực hiện có hiệu quả phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển giáo dục.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.**

***Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác***

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

*Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường Mầm non Tân Hiệp có cơ cấu tổ chức bộ máy và thành lập các hội đồng theo Điều lệ trường mầm non: Hội đồng trường được thành lập theo quy định [H1-1.2-01]; Hội đồng Thi đua khen thưởng của nhà trường được thành lập vào đầu năm học [H1-1.2-02]. Ngoài ra, vào từng thời điểm trường thành lập những hội đồng khác để đáp ứng yêu cầu công việc như: Hội đồng khoa học xét duyệt sáng kiến [H1-1.2-03]; Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi, cấp dưỡng giỏi [H1-1.2-04]; Hội đồng tuyển sinh [H1-1.2-05].

b) Các hội đồng thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Điều lệ trường mầm non (Thông tư số 04/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) như: Hội đồng trường làm việc theo phương thức thảo luận, thông qua các nghị quyết tập thể tại các cuộc họp của Hội đồng trường để đưa ra các quyết định trong phạm vi các nhiệm vụ đã được quy định và tổ chức họp thường kỳ 03 lần/năm [H1-1.2-01]. Hội đồng thi đua khen thưởng do hiệu trưởng thành lập và xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua và khen thưởng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị theo từng học kỳ, năm học [H1-1.2-02]. Hội đồng khoa học xét duyệt sáng kiến có nhiệm vụ giúp hiệu trưởng đánh giá các sáng kiến cải tiến, phát hiện các sáng kiến có giá trị, thiết thực để ứng dụng vào việc đổi mới phương pháp quản lý, chăm sóc giáo dục trẻ, góp phần nâng cao chất

lượng giáo dục của đơn vị [H1-1.2-03]. Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi, cấp dưỡng giỏi cấp trường dự giờ các hoạt động được quy định theo Chương trình giáo dục mầm non nhằm khuyến khích động viên giáo viên học hỏi, trao đổi, truyền đạt, phổ biến kinh nghiệm giảng dạy và sử dụng đồ dùng dạy học trong quá trình tổ chức các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.2-04]. Tuy nhiên Hội đồng khoa học còn 02/09 thành viên chưa có nhiều kinh nghiệm trong nhận xét, góp ý cho sáng kiến.

c) Các hội đồng có kế hoạch hoạt động, phân công chức năng nhiệm vụ cho các thành viên, thường xuyên tự rà soát, đánh giá kết quả và rút kinh nghiệm hoạt động thông qua các báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản họp, tuy nhiên việc tổng hợp kết quả còn chậm, đôi lúc chưa công khai kịp thời trong buổi họp hằng tháng [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05].

#### Mức 2:

Hội đồng trường luôn hỗ trợ giám sát các hoạt động của nhà trường, thực hiện đúng quyền hạn chức năng, giữ nhiệm vụ tư vấn, tham mưu, đề ra phương hướng hoạt động của trường, hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ như: tham gia góp ý kế hoạch năm học, các quyết định về phân công chuyên môn, các ban, bộ phận... [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05].

### **2. Điểm mạnh**

Trường có Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập theo quy định và hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn một cách có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Các thành viên trong hội đồng đều có tinh thần trách nhiệm cao trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

### **3. Điểm yếu**

Hội đồng khoa học còn 02/09 thành viên chưa có nhiều kinh nghiệm trong nhận xét, góp ý cho sáng kiến.

#### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 12 năm học 2020-2021 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì hoạt động của hội đồng trường. Hiệu trưởng hướng dẫn thêm cách nhận xét, góp ý cho thành viên hội đồng chăm sóc sáng kiến.

#### **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

***Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường***

Mức 1:

*a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*b) Hoạt động theo quy định;*

*c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

*a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.*

Mức 3:

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên.*

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.*

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Công đoàn cơ sở gồm 35 công đoàn viên trực thuộc Liên đoàn lao động huyện Hóc Môn [H1-1.3-01], Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 11 đoàn viên trực thuộc Đoàn xã Tân Hiệp [H1-1.3-02]. Trường có các tổ chức xã hội: Hội chữ thập đỏ [H1-1.3-03]; Chi Hội khuyến học [H1-1.3-04].

Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường phát huy tốt vai trò và hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức.

b) Ban chấp hành Công đoàn thực hiện đúng nhiệm vụ và chức năng Công đoàn, nhiều năm liền đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-01]. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh gồm 11 đoàn viên, đạt chi đoàn vững mạnh nhiều năm liền [H1-1.3-02]. Hội chữ thập đỏ hoạt động theo kế hoạch của Hội chữ thập đỏ huyện Hóc Môn [H1-1.3-03], Hội Khuyến học hoạt động theo kế hoạch của Hội Khuyến học xã Tân Hiệp [H1-1.3-04], tuy nhiên hoạt động Hội chữ thập đỏ của trường chưa phong phú, đa dạng, chưa phát huy hiệu quả các phong trào [H1-1.3-03].

c) Hằng tháng, Ban chấp hành Công đoàn, Chi đoàn, các tổ trưởng đều có tổ chức kiểm tra, đánh giá hoạt động; cuối năm đánh giá hoạt động tổ công đoàn, bình bầu đoàn viên xuất sắc, phụ nữ 2 giỏi... Có sự tham gia của các cấp lãnh đạo như: Liên đoàn lao động huyện Hóc Môn [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

#### Mức 2:

a) Chi bộ trường Mầm non Tân Hiệp, gồm có 19 đảng viên và thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội Chi bộ [H1-1.3-05]; Chi bộ nhà trường liên tục đạt “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên [H1-1.3-05].

b) Các đoàn thể, tổ chức khác trong nhà trường có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường. Hằng năm, tổ chức Công đoàn và Đoàn thanh niên đều có giới thiệu những đoàn viên ưu tú cho Đảng [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; Hội chữ thập đỏ và Hội khuyến học nhà trường chăm lo cho học sinh, giáo viên, nhân viên có hoàn cảnh khó khăn vui tết [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

#### Mức 3:

a) Từ năm 1998 đến năm 2020, Chi bộ nhà trường đạt “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” [H1-1.3-01].

b) Công đoàn, Chi đoàn vận động đoàn viên tích cực tham gia các hoạt động xã hội như thăm hỏi và tặng quà cho trẻ mồ côi, gia đình có hoàn cảnh khó khăn trong và ngoài thành phố. Hội khuyến học phát động nuôi heo đất

nhằm giúp đỡ các em thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn đang học tập tại trường [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

## **2. Điểm mạnh**

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

## **3. Điểm yếu**

Hoạt động Hội chữ thập đỏ của trường chưa phong phú, đa dạng, chưa phát huy hiệu quả các phong trào.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 12 năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo, Bí thư chi bộ, hiệu trưởng, các đoàn thể nhà trường tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam, tiếp tục tích cực cho các hoạt động của nhà trường, giữ vững các danh hiệu tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam. Hiệu trưởng sẽ cùng đoàn thể tổ chức các hoạt động Hội chữ thập đỏ của trường ngày càng phong phú, đa dạng, hơn.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

***Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng***

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

a) *Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.*

b) *Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường Mầm non Tân Hiệp có 01 hiệu trưởng bổ nhiệm theo Quyết định số 6183/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn; 01 phó hiệu trưởng phụ trách hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng và 01 phó hiệu trưởng phụ trách hoạt động giáo dục [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02].

b) Trường có đầy đủ các tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo quy định Điều lệ trường mầm non. Tổ chuyên môn gồm 04 tổ: Tổ ghép nhà trẻ và 3-4 tuổi có 10 giáo viên; tổ 4-5 tuổi có 06 giáo viên; tổ 5-6 tuổi có 08 giáo viên; tổ nấu ăn có 04 thành viên, tổ văn phòng có 11 thành viên trong đó: 03 cán bộ quản lý, 01 nhân viên y tế, 02 nhân viên kế toán, 01 nhân viên văn thư, 02 nhân viên bảo vệ; 02 nhân viên phục vụ [H1-1.4-03].

c) Tổ chuyên môn thực hiện nghiêm túc công tác bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên trong tổ; kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ; quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường; góp ý nhận xét theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, có tổng kết thi đua, đề xuất khen thưởng [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05]. Tổ văn phòng thực hiện các nhiệm vụ giúp hiệu trưởng quản lý tài chính, tài sản, lưu giữ hồ sơ của nhà trường [H1-1.4-06]. Tổ chuyên môn sinh hoạt định kỳ 02 tuần/1 lần; tổ văn phòng sinh hoạt định kỳ 02 tuần/1 lần thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Tuy nhiên, tổ chuyên môn nhà trẻ và 3-4 tuổi hợp ghép chung nên còn hạn chế trong sinh hoạt chuyên sâu từng lứa tuổi, nội dung họp tổ có lúc chưa cụ thể [H1-1.4-03].

## Mức 2:

a) Mỗi năm học, tổ chuyên môn đã đề xuất và tổ chức thực hiện từ một đến hai chuyên đề, đem lại hiệu quả giáo dục góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ tại đơn vị [H1-1.4-07].

| Năm học   | Tổ                     | Tên chuyên đề                                                                                                                                                                                |
|-----------|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2017-2018 | Tổ nhà trẻ và 3-4 tuổi | - “Đổi mới hoạt động phát triển nhận thức trong trường mầm non” (Học kỳ I)<br>- “Tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non” (Học kỳ II)                                    |
|           | Tổ 4-5 tuổi            | - “Đổi mới hoạt động phát triển nhận thức trong trường mầm non” (Học kỳ I)<br>- “Tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non” (Học kỳ II)                                    |
|           | Tổ 5-6 tuổi            | - “Đổi mới hoạt động phát triển nhận thức trong trường mầm non” (Học kỳ I)                                                                                                                   |
| 2018-2019 | Tổ nhà trẻ và 3-4 tuổi | - “Nâng cao chất lượng đổi mới tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ trong trường mầm non” (Học kỳ II)<br>- “Tổ chức giờ ăn theo hướng mới”                                                  |
|           | Tổ 4-5 tuổi            | - “Nâng cao chất lượng đổi mới tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ trong trường mầm non” (Học kỳ II)<br>- “Tổ chức giờ ăn theo hướng mới”                                                  |
|           | Tổ 5-6 tuổi            | - “Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội trong trường mầm non” (Học kỳ I)<br>- “Nâng cao chất lượng đổi mới tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ trong trường mầm non” (Học kỳ II) |

|           |                        |                                                                                                                                                                  |
|-----------|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           |                        | - “Tổ chức giờ ăn theo hướng mới”                                                                                                                                |
| 2019-2020 | Tổ nhà trẻ và 3-4 tuổi | - “Xây dựng môi trường thiên nhiên trong tổ chức hoạt động và tăng cường vận động cho trẻ” (Học kỳ I)                                                            |
|           | Tổ 4-5 tuổi            | - “Xây dựng môi trường thiên nhiên trong tổ chức hoạt động và tăng cường vận động cho trẻ” (Học kỳ I)                                                            |
|           | Tổ 5-6 tuổi            | - “Xây dựng môi trường thiên nhiên trong tổ chức hoạt động và tăng cường vận động cho trẻ” (Học kỳ I)                                                            |
| 2020-2021 | Tổ nhà trẻ và 3-4 tuổi | - “Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non” cấp Huyện (Học kỳ II)”                                                                          |
|           | Tổ 4-5 tuổi            | - “Xây dựng và sử dụng môi trường GD lấy trẻ làm trung tâm” (Học kỳ I)                                                                                           |
|           | Tổ 5-6 tuổi            | - “Xây dựng và sử dụng môi trường GD lấy trẻ làm trung tâm” (Học kỳ I)<br>- “Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non” cấp Huyện (Học kỳ II) |

b) Hằng tháng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng sinh hoạt định kỳ có kế hoạch để rà soát, đánh giá, điều chỉnh và xây dựng kế hoạch hoạt động cho tháng tiếp theo [H1-1.4-03].

Mức 3:

a) Nhà trường có 04 tổ chuyên môn: Tổ ghép nhà trẻ và 3-4 tuổi có 8 giáo viên; tổ 4-5 tuổi có 06 giáo viên; tổ 5-6 tuổi có 08 giáo viên; tổ nấu ăn có 04 thành viên; tổ văn phòng có 12 thành viên [H1-1.4-03].

b) Các tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề đã đề ra qua việc tổ chức các chuyên đề cho giáo viên trong trường học tập, rút kinh nghiệm và

lên thao giảng chuyên đề cụm chuyên môn ... góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.4-04].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ cơ cấu tổ chức bộ máy và hoạt động theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

## **3. Điểm yếu**

Tổ chuyên môn hợp ghép chung nên còn hạn chế trong sinh hoạt chuyên sâu từng cấp tuổi, nội dung hợp tổ chưa cụ thể và sâu sát.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo, nhà trường sẽ tách tổ nhà trẻ và tổ mầm hoạt động riêng lẻ theo quy định của Điều lệ trường mầm non.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.**

### **Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo**

Mức 1:

*a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;*

*b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;*

*c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.*

Mức 2:

*Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.*

Mức 3:

*Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có 11 nhóm, lớp được phân chia theo đúng độ tuổi theo quy định, có tổng số 326 trẻ được phân bổ như sau: 27 trẻ ở độ tuổi 25-36 tháng

được chia làm 01 nhóm với 02 giáo viên; lớp mẫu giáo 3-4 tuổi có 68 trẻ được chia vào 3 lớp với số lượng 02 giáo viên/lớp; lớp mẫu giáo 4-5 tuổi có 114 trẻ được chia vào 03 lớp, mỗi lớp 02 giáo viên và trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi có 153 trẻ chia vào 04 lớp với tổng số 08 giáo viên, 02 giáo viên/lớp [H1-1.5-01]. Tỷ lệ chuyên cần của nhóm trẻ 25-36 tháng chưa cao [H1-1.5-02].

b) 100% nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi/ngày [H1-1.5-01].

c) Từ năm học 2017-2018 đến nay, trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-01].

Mức 2:

Nhà trường có số lượng trẻ em trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định tại Điều lệ trường mầm non: Tổng số 326 trẻ, trong đó có: 01 nhóm 25-36 tháng tuổi (27trẻ); 02 lớp 3-4 tuổi (68 trẻ); 03 lớp 4-5 tuổi (114 trẻ); 04 lớp 5-6 tuổi (153 trẻ) [H1-1.5-01].

Mức 3:

Nhà trường có 10 nhóm, lớp, được phân chia theo đúng độ tuổi theo quy định gồm: 02 nhóm 25-36 tháng tuổi; 02 lớp 3-4 tuổi; 03 lớp 4-5 tuổi; 04 lớp 5-6 tuổi [H1-1.5-01].

## **2. Điểm mạnh**

Trường có đủ các nhóm lớp, được phân chia theo độ tuổi và tổ chức học 02 buổi/ngày đúng quy định của Điều lệ trường mầm non.

## **3. Điểm yếu**

Tỷ lệ chuyên cần của nhóm trẻ 25-36 tháng chưa cao.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2020-2021 và những năm học tiếp theo, nhà trường sẽ có kế hoạch chỉ đạo giáo viên nhà trẻ tuyên truyền, động viên, khuyến khích phụ huynh nhóm 25-36 tháng cho trẻ đi học đều nhằm tăng tỷ lệ chuyên cần ở nhóm 25-36 tháng.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

***Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản***

Mức 1:

- a) *Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*
- b) *Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*
- c) *Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

- a) *Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*
- b) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3:

*Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

- a) *Hồ sơ, văn bản của nhà trường được lưu trữ khoa học theo quy định của Luật Lưu trữ [H1-1.6-01].*
- b) *Nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định; thực hiện công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định. Hằng năm, quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.4-06]; [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03].*
- c) *Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc giáo dục theo quy định [H1-1.4-06]; [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03] [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03].*

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính thông qua các phần mềm như: Phần mềm quản lý cán bộ công chức, phần mềm EPMIS, phần mềm quản lý dữ liệu giáo dục, phần mềm phổ cập giáo dục. Nhà trường thực hiện quản lý tài chính và tài sản thông qua các phần mềm như: phần mềm quản lý tài sản, phần mềm kế toán IMAS [H1-1.6-04].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo biên bản kiểm tra quyết toán hằng năm [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03].

Mức 3:

Nhà trường chưa xây dựng kế hoạch trung hạn, kế hoạch dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương..

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo đúng quy định và quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích, có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc giáo dục.

## **3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa xây dựng kế hoạch trung hạn, kế hoạch dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2020-2021 và những năm học tiếp theo, nhà trường sẽ xây dựng kế hoạch trung hạn, kế hoạch dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường và thực tế địa phương

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

### ***Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên***

Mức 1:

a) *Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;*

*b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;*

*c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

*Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên, nhân viên nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Năm học 2021-2022, trường có 02 cán bộ quản lý đang học lớp thạc sĩ quản lý giáo dục; có 02 giáo viên trung cấp và 02 giáo viên Cao đẳng học Đại học sư phạm Mầm non [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02]. Tuy nhiên, nhà trường chưa có nhân viên nấu ăn đạt trình độ chuyên môn trung cấp.

b) Hiệu trưởng có phân công sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hợp lý đúng người, đúng việc, phù hợp năng lực chuyên môn, sở trường kinh nghiệm trong công tác mang lại hiệu quả hoạt động của nhà trường: giáo viên lâu năm trong ngành vững chuyên môn bố trí với giáo viên còn ít kinh nghiệm để hỗ trợ trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ; đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường. Bảng phân công được cán bộ quản lý hợp thống nhất và triển khai thực hiện trong nhà trường [H1-1.4-02]; [H1-1.7-03].

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường được đảm bảo các quyền theo quy định tại khoản 01, 02, 03, 04, 05 Điều 37 của Điều lệ trường mầm non (Thông tư 04/2015/TT-BGDĐT về Điều lệ Trường mầm non). Luôn quan tâm, đảm bảo mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần cho đội ngũ như: nâng lương theo quy định, nâng lương trước hạn, tham quan nghỉ mát, khen thưởng, trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc, xây dựng bầu không khí thân

thiện, vui tươi, đoàn kết... luôn bảo vệ nhân phẩm, danh dự cho cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.6-03]; [H1-1.7-04].

Mức 2:

Nhà trường thực hiện phân công hợp lý để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường [H1-1.4-02]. Hằng tháng, nhà trường thực hiện đánh giá hiệu quả công tác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, qua đó điều chỉnh những hạn chế và phát huy ưu điểm của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên [H1-1.2-02]. Nhà trường thực hiện tốt công tác kiểm tra nội bộ theo quy định [H1-1.7-05].

## **2. Điểm mạnh**

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, được phân công hợp lý để phát huy tối đa năng lực, được đảm bảo các quyền theo quy định.

## **3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa có nhân viên nấu ăn đạt trình độ chuyên môn trung cấp.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường. Hiệu trưởng vận động nhân viên nấu ăn tham gia học lớp trung cấp nấu ăn.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 1.

### ***Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục***

Mức 1:

*a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*

*b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*

*c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

Mức 2:

*Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng phù hợp với Thông tư 19/-BGDDT về ban hành Chương trình Giáo dục mầm non [H1-1.7-01].

b) Kế hoạch giáo dục của nhà trường được các nhóm, lớp xây dựng thành kế hoạch cụ thể cho từng lứa tuổi và được thực hiện đầy đủ [H1-1.8-01].

c) Hằng tuần, phó hiệu trưởng chuyên môn duyệt kế hoạch giáo dục của các nhóm lớp để rà soát đánh giá và đề nghị các nhóm, lớp điều chỉnh kịp thời [H1-1.8-02].

Mức 2:

Nhà trường có các biện pháp cụ thể để chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ thông qua các buổi họp bồi dưỡng chuyên môn trường, họp rút kinh nghiệm hằng tháng, tổ chức thao giảng chuyên đề cấp trường, cấp huyện cho các giáo viên học tập rút kinh nghiệm [H1-1.8-03], qua phát động các phong trào thi đua, các hội thi “Giáo viên dạy giỏi” cấp trường, cấp huyện; “Cấp dưỡng giỏi”...đạt hiệu quả cao, có khen thưởng, biểu dương kịp thời qua đó đã phát huy tốt năng lực của giáo viên, nhân viên [H1-1.8-04]; [H1-1.8-05]. Cán bộ quản lý có biện pháp chỉ đạo cụ thể và kiểm tra thường xuyên (đột xuất, định kỳ), sơ kết đánh giá từng học kỳ và tổng kết hằng năm, có sự điều chỉnh và bổ sung kế hoạch kịp thời để thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra, đạt hiệu quả qua các năm học [H1-1.8-06]; [H1-1.8-07]; [H1-1.8-08]; [H1-1.8-09]. Kế hoạch năm học và các chỉ tiêu phấn đấu đều có sự góp ý của tập thể sư phạm nhà trường, thống nhất thông qua trong Hội nghị viên chức người lao động hằng năm [H1-1.7-01]; [H1-1.7-04]. Còn 05 giáo viên khi xây dựng kế hoạch chưa dựa vào khả năng của trẻ tại lớp mình phụ trách

### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường xây dựng và thực hiện đầy đủ các kế hoạch giáo dục; có các biện pháp rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

### **3. Điểm yếu**

Còn 05 giáo viên khi xây dựng kế hoạch chưa dựa vào khả năng của trẻ tại lớp mình phụ trách.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2020-2021 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng chỉ đạo cho phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục bồi dưỡng chuyên môn, tổ chức chuyên đề, thường xuyên dự giờ, kiểm tra đội ngũ giáo viên để nhận xét, rút kinh nghiệm, nhằm giúp 05 giáo viên tổ chức các hoạt động linh hoạt và sáng tạo hơn đem lại hiệu quả cao hơn trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

### **5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.**

#### ***Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở***

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) ) Nhằm thực hiện hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở trong nhà trường, khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế, Hiệu trưởng luôn tạo điều kiện cho tất cả Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến liên quan đến các hoạt động của nhà trường qua thông qua các buổi như: Hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động, hội đồng sư phạm, họp

chuyên môn. Trong các buổi họp, 04 nhân viên nhà trường chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến [H1-1.7-04]; [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02].

b) Trong những năm qua trường không đơn khiếu nại, tố cáo [H1-1.9-02].

c) Hằng năm, nhà trường thực hiện các báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở theo quy định [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02].

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1.9-01].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện đúng và đầy đủ quy chế dân chủ đã được thông nhất trong tập thể; thực hiện tốt các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

## **3. Điểm yếu**

Trong các buổi họp, 04 nhân viên chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo, tổ trưởng tổ văn phòng động viên 04 nhân viên mạnh dạn đóng góp ý kiến xây dựng trong các buổi họp.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

### ***Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học***

Mức 1:

*a) Nhà trường xây dựng đầy đủ các phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;*

*b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;*

*c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.*

Mức 2:

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;*

*b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường phối hợp với Công an xã Tân Hiệp trong việc xây dựng kế hoạch và phương án đảm bảo an ninh trật tự trong trường học; tổ chức triển khai đến đội ngũ các phương án đảm bảo an toàn trường học [H1-1.10-01]. Nhà trường có xây dựng kế hoạch về phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ [H1-1.10-02]; phương án phòng chống cháy nổ [H1-1.10-03]; kế hoạch phòng chống dịch bệnh [H1-1.10-04], nhà trường đảm bảo thực hiện an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai [H1-1.10-05], thực hiện tốt công tác phòng, chống các tệ nạn xã hội, bạo lực học đường [H1-1.10-06]. Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong nhà trường [H1-1.10-07]. Nhà trường có kế hoạch sửa chữa và thường xuyên kiểm tra đồ dùng đồ chơi ngoài trời và trong lớp, xây dựng cảnh quan môi trường thân thiện đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất, tinh thần cho 100% trẻ và cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên khi hoạt động tại trường [H1-1.10-08].

b) Nhà trường đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ, có hộp thư góp ý đặt trước cổng trường, đường dây nóng và có khu vực tiếp công dân trực theo lịch, xử lý kịp thời các thông tin phản ánh của phụ huynh [H1-1.9-02].

c) Trong những năm qua, nhà trường không xảy ra hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới [H1-1.9-02].

#### Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được nghe phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01]; Nhà trường có xây dựng kế hoạch về phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ [H1-1.10-02]; phương án phòng chống cháy nổ [H1-1.10-03]; kế hoạch phòng chống dịch bệnh [H1-1.10-04], nhà trường đảm bảo thực hiện an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai [H1-1.10-05], thực hiện tốt công tác phòng, chống các tệ nạn xã hội, bạo lực học đường [H1-1.10-06]. Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong nhà trường [H1-1.10-07]. Tuy nhiên, cán bộ quản lý chưa tổ chức cho 03 giáo viên mới tuyển được tập huấn hướng dẫn thực hiện an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai.

b) Trường tổ chức cho giáo viên, nhân viên thực hiện ký kết đảm bảo an toàn cho trẻ [H1-1.10-09]. Giáo viên đón và trả trẻ trực tiếp cho cha mẹ học sinh, không trả trẻ cho người lạ. Phối hợp với Ban chỉ huy Công an xã Tân Hiệp thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự trường học và thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự, không xảy ra hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường [H1-1.10-01]; [H1-1.10-06].

### **2. Điểm mạnh**

Tình hình an ninh trật tự trong nhà trường luôn được giữ vững. Cán bộ quản lý thực hiện đầy đủ các phương án, kế hoạch để đảm bảo an toàn cho trẻ và cán bộ, giáo viên, nhân viên mọi lúc mọi nơi. Trường không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

### **3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa tổ chức cho 02 giáo viên mới tuyển được tập huấn hướng dẫn thực hiện an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai.

#### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục xây dựng kế hoạch cụ thể, triển khai, chỉ đạo thực hiện và thường xuyên kiểm tra, giám sát, nhắc nhở giáo viên, nhân viên đảm bảo an toàn cho trẻ ở mọi lúc, mọi nơi; bảo vệ trực trường làm tốt công tác tuần tra khu vực trong và ngoài nhà trường, tập huấn hướng dẫn thực hiện an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai cho 03 giáo viên mới tuyển.

#### **5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.**

##### **Kết luận về Tiêu chuẩn 1:**

##### **Điểm mạnh nổi bật**

Trường Mầm non Tân Hiệp có cơ cấu tổ chức nhà trường thực hiện đúng theo Điều lệ trường mầm non, cán bộ, giáo viên, nhân viên chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của chính quyền địa phương và cơ quan quản lý giáo dục các cấp. Trường có cơ cấu nhóm, lớp đúng theo qui định của Điều lệ trường mầm non. Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Công tác thi đua, khen thưởng kịp thời, tạo động lực để đội ngũ phấn đấu vươn lên, phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường.

##### **Điểm yếu cơ bản**

- Nhà trường chưa có các giải pháp giám sát, chưa định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh, phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường.
- Hội đồng khoa học còn 02/09 thành viên chưa có nhiều kinh nghiệm trong nhận xét, góp ý cho sáng kiến.
- Hoạt động Hội chữ thập đỏ của trường chưa phong phú, đa dạng, chưa phát huy hiệu quả các phong trào
- Tổ chuyên môn họp ghép chung nên còn hạn chế trong sinh hoạt chuyên sâu từng cấp tuổi, nội dung họp tổ chưa cụ thể và sâu sát.

- Tỷ lệ chuyên cần của nhóm 25-36 tháng chưa cao.
- Nhà trường chưa xây dựng kế hoạch trung hạn, kế hoạch dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường.
- Nhà trường chưa có nhân viên nấu ăn đạt trình độ chuyên môn trung cấp.
- Còn 05 giáo viên khi xây dựng kế hoạch chưa dựa vào khả năng của trẻ tại lớp mình phụ trách.
- Trong các buổi họp 04 nhân viên nhà trường chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến xây dựng để mọi người làm việc tốt hơn.
- Nhà trường chưa tổ chức cho 01 giáo viên mới tuyển được tập huấn hướng dẫn thực hiện an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai.

**\* Mức 1**

Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10

Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/10

**\* Mức 2**

Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu: 05/10

Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 05/10

**\* Mức 3**

Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu: 00/05

Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 05/05

**Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

**Mở đầu:**

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên là yếu tố quyết định sự phát triển của nhà trường. Đó phải là đội ngũ đạt chuẩn về đào tạo, có đầy đủ phẩm chất năng lực cần thiết và không ngừng học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu của công việc. Chính vì vậy, nhà trường luôn tập trung công tác đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên để có đủ năng lực chăm sóc giáo dục trẻ. Với những nỗ lực trong nhiều năm qua, Trường Mầm non Tân Hiệp đã từng bước có những đổi mới trong

công tác đáp ứng tốt những yêu cầu mục tiêu giáo dục của nhà trường nói riêng và của ngành nói chung.

***Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng***

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

*Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.*

**1.Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng nhà trường đạt chuẩn theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, cụ thể: hiệu trưởng có thời gian công tác 20 năm liên tục trong ngành Giáo dục mầm non (trong đó 09 năm là giáo viên, 09 năm giữ chức vụ phó hiệu trưởng, 01 năm giữ chức vụ hiệu trưởng), có bằng chuyên môn thạc sĩ giáo dục mầm non, trung cấp lý luận chính trị - hành chính, tin học nâng cao, Anh văn B1. Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục có thời gian công tác 34 năm liên tục trong ngành Giáo dục mầm non (trong đó 06 năm giữ chức vụ phó hiệu trưởng), đạt trình độ đại học sư phạm mầm non, cử nhân quản lý giáo dục, trung cấp lý luận chính trị - hành chính, tin học căn bản, Anh văn B. Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng có thời gian công tác 25 năm liên tục trong ngành giáo dục mầm non (trong đó 23 năm là giáo viên, 02 năm giữ chức vụ phó hiệu trưởng), đạt trình độ đại học sư phạm mầm non, trung cấp lý luận

chính trị - hành chính, Tin học nâng cao. Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng có phẩm chất đạo đức tốt, có đủ trình độ và năng lực trong công tác quản lý, nắm vững Chương trình Giáo dục mầm non, thành thạo trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, được sự tin nhiệm giáo viên, nhân viên trong đơn vị và tạo được sự đồng thuận trong đội ngũ, có uy tín với nhân dân địa phương [H2-2.1-01].

b) Hằng năm, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được đánh giá chuẩn theo Thông tư 25/2018/TT-BGD ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hành đạt loại tốt, khá [H2-2.1-01].

+ Kết quả đánh giá chuẩn hiệu trưởng (Thông tư số 17/2011/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo):

| Năm học   | Chức vụ<br>cán bộ quản lý | Kết quả đánh giá chuẩn hiệu trưởng |     |            |     |
|-----------|---------------------------|------------------------------------|-----|------------|-----|
|           |                           | Xuất sắc                           | Khá | Trung bình | Kém |
| 2017-2018 | Hiệu trưởng               | 01                                 |     |            |     |
|           | Phó hiệu trưởng           | 02                                 |     |            |     |

+ Kết quả tự đánh giá chuẩn hiệu trưởng (Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo):

| Năm học   | Chức vụ<br>cán bộ quản lý | Kết quả đánh giá chuẩn hiệu trưởng |     |     |          |
|-----------|---------------------------|------------------------------------|-----|-----|----------|
|           |                           | Tốt                                | Khá | Đạt | Chưa đạt |
| 2018-2019 | Hiệu trưởng               |                                    | 01  |     |          |
|           | Phó hiệu trưởng           |                                    | 02  |     |          |
| 2019-2020 | Hiệu trưởng               |                                    | 01  |     |          |
|           | Phó hiệu trưởng           |                                    | 02  |     |          |
| 2020-2021 | Hiệu trưởng               |                                    | 01  |     |          |
|           | Phó hiệu trưởng           |                                    | 02  |     |          |

c) Cán bộ quản lý được tham dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn; chứng chỉ nghiệp vụ Quản lý nhà nước ngạch chuyên viên; phần mềm cơ sở dữ liệu; cổng thông tin điện tử, mạng nội bộ, phần mềm kiểm định chất

lượng giáo dục. Cán bộ quản lý được tập huấn thêm lớp bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo cấp phòng; chứng chỉ đào tạo đấu thầu cơ bản đối với lựa chọn nhà thầu, lớp kỹ năng công tác pháp chế ngành giáo dục; khóa tập huấn phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ; bồi dưỡng kiến thức quốc phòng-an ninh [H1-1.7-02];

[H2-2.1-01]. Tuy nhiên, hiệu trưởng và 01 phó hiệu trưởng có thời gian công tác quản lý ngắn, chưa có nhiều kinh nghiệm.

Mức 2:

a) Trong 05 năm, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều được đánh giá xếp loại khá trở lên theo Chuẩn hiệu trưởng và Chuẩn phó hiệu trưởng trường mầm non theo quy định [H2-2.1-02].

b) Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đã có giấy chứng nhận Trung cấp lý luận chính trị- hành chính, tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm [H1-1.4-01].

Mức 3:

Năm học 2017-2018 đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đạt chuẩn mức khá, tốt [H2-2.1-01].

## **2. Điểm mạnh**

Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng công tác liên tục trong ngành nhiều năm; đạt trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trên chuẩn; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có năng lực quản lý.

## **3. Điểm yếu**

Hiệu trưởng và 01 phó hiệu trưởng có thời gian công tác quản lý ngắn, chưa có nhiều kinh nghiệm.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng thường xuyên tự học hỏi, nghiên cứu, rút kinh nghiệm trong quản lý; xây dựng chiến lược phát triển cho nhà trường, tham mưu với các cấp lãnh đạo trong việc thực hiện công tác quản lý nhà trường, lắng nghe những góp ý của

tập thể để có biện pháp khắc phục những thiếu sót trong quá trình chỉ đạo thực hiện.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2**

### ***Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên***

Mức 1:

- a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;*
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

Mức 2:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*
- c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%.*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ số lượng giáo viên nhà trẻ và giáo viên mẫu giáo theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo- Bộ Nội vụ. Trong đó lớp mẫu giáo có 09 lớp/18 giáo viên đạt 02 giáo viên/lớp; nhà trẻ 02 nhóm/06 giáo viên đạt 03 giáo viên/nhóm. Trường đã đáp ứng về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non theo quy định [H1-1.4-02].

b) Trường có 22/24 giáo viên tỷ lệ 91.67% đạt chuẩn, trên chuẩn, trình độ đào tạo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H1-1.7-03], trong đó 02 giáo viên trung cấp đang học Đại học sư phạm mầm non sẽ tốt nghiệp trong năm 2023 [H1-1.4-02].

| Năm học   | Số lượng giáo viên | Trình độ chuyên môn  |                     |                    |
|-----------|--------------------|----------------------|---------------------|--------------------|
|           |                    | Trung cấp<br>(Tỷ lệ) | Cao đẳng<br>(Tỷ lệ) | Đại học<br>(Tỷ lệ) |
| 2017-2018 | 23                 | 02/23<br>(8.69%)     | 06/23<br>(26.09%)   | 15/23<br>(65.22%)  |
| 2018-2019 | 20                 | 01/20<br>(5%)        | 05/20<br>(25%)      | 14/20<br>(70%)     |
| 2019-2020 | 21                 | 02/21<br>(9.52%)     | 7/21<br>(33.33%)    | 12/21<br>(57.15%)  |
| 2020-2021 | 21                 | 02/21<br>(9.52%)     | 7/21<br>(33.33%)    | 12/21<br>(57.14%)  |

c) Năm học 2020-2021 trường có 12/21 giáo viên tỷ lệ 57.14% đạt Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non từ khá trở lên [H1-1.4-04].

+ Kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non (Thông tư số 17/2011/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo):

| Năm học | Số lượng giáo viên | Tỷ lệ % giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non theo quy định |     |       |     |
|---------|--------------------|-------------------------------------------------------------------------|-----|-------|-----|
|         |                    | Xuất sắc                                                                | Khá | Trung | Kém |

|           |    |    |    |             |           |
|-----------|----|----|----|-------------|-----------|
|           |    |    |    | <b>bình</b> |           |
| 2017-2018 | 23 | 04 | 19 | <b>00</b>   | <b>00</b> |

+ Kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non (Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo):

| Năm học   | Số lượng giáo viên | Tỷ lệ % giáo viên đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non theo quy định |                   |                  |                                        |
|-----------|--------------------|------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------|----------------------------------------|
|           |                    | Tốt                                                                          | Khá               | Đạt              | Chưa đánh giá                          |
| 2018-2019 | 20                 |                                                                              | 11/20<br>(55%)    | 9/20<br>(45%)    |                                        |
| 2019-2020 | 21                 |                                                                              | 18/21<br>(85.72%) | 3/21<br>(14.28%) |                                        |
| 2020-2021 | 21                 |                                                                              | 19/21<br>(90.48%) |                  | Tạm dừng đánh giá<br>02/21<br>(09.52%) |

Mức 2:

a) Tổng số giáo viên hiện nay đạt trên chuẩn trình độ đào tạo là 14/21 giáo viên (tỷ lệ 66.67%). Trong 05 năm liên tiếp, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định [H1-1.7-02].

b) Trong 05 năm liên tiếp, có 12/21 giáo viên tỷ lệ 57.14% đạt Chuẩn nghề nghiệp giáo viên, ở mức đạt khá trở lên, trong đó có 07/21 Giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt tỉ lệ 33.33% [H1-1.4-04].

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.4-04].

Mức 3:

a) Trường có 19/21 giáo viên tỷ lệ 90.47% đạt chuẩn về trình độ chuyên môn; trong đó có 14/21 giáo viên đạt trình độ trên chuẩn tỷ lệ 66.67% [H1-1.7-02].

b) Trong 05 năm liên tiếp, có 12/21 giáo viên tỷ lệ 57.14% đạt Chuẩn nghề nghiệp giáo viên, ở mức đạt khá trở lên, trong đó có 07/21 Giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt tỉ lệ 33.33% [H1-1.4-04].

## **2. Điểm mạnh**

Trường có đủ số lượng giáo viên đạt trình độ đào tạo đáp ứng yêu cầu về nhân sự theo Điều lệ trường mầm non.

## **3. Điểm yếu**

Nhà trường còn 02/21 tỷ lệ 9.52% giáo viên đạt trình độ trung cấp.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục thực hiện kế hoạch nâng chuẩn, tạo điều kiện thời gian cho giáo viên tham gia học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Hiện có 02 giáo viên trình độ Trung cấp sư phạm và 02/08 giáo viên trình độ Cao đẳng sư phạm đang học nâng chuẩn trình độ Đại học sư phạm mầm non.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.**

### ***Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên***

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm.

*b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có 12 nhân viên bao gồm: 02 kế toán, 01 văn thư kiêm nhiệm thủ quỹ, 01 y tế, 02 bảo vệ, 04 nhân viên nấu ăn và 02 nhân viên phục vụ đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công [H1-1.4-02]. Tuy nhiên, Nhân viên nấu ăn chưa có bằng trung cấp nấu ăn.

b) Nhân viên của trường được hiệu trưởng quyết định phân công công tác cho nhân viên phù hợp với chứng chỉ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực thực tế của mỗi người [H1-1.4-02].

c) Đội ngũ nhân viên của nhà trường được phân công đúng chuyên môn và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chức trách được giao theo quy định của Điều lệ trường mầm non [H1-1.4-02].

Mức 2:

a) Trường có đủ số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao [H1-1.4-02].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.2-02].

Mức 3:

a) Nhà trường có 12 nhân viên: 01 nhân viên kế toán có bằng tốt nghiệp Đại học kế toán; 01 nhân viên kế toán có bằng tốt nghiệp cao đẳng kế toán; 01 nhân viên văn thư có chứng chỉ nghiệp vụ văn thư lưu trữ; 01 nhân viên y tế có bằng tốt nghiệp Trung cấp y sĩ; 04 nhân viên nấu ăn có chứng chỉ sơ cấp nấu ăn; 02 nhân viên phục vụ; 02 nhân viên bảo vệ [H1-1.4-02].

b) Hằng năm, các nhân viên đều được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí được phân công [H1-1.7-02].

### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ nhân viên theo quy định, nhiệt tình trong công tác, có tinh thần học tập và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Nhân viên của trường

được phân công nhiệm vụ phù hợp khả năng, nghiệp vụ được đào tạo và chức trách được giao theo quy định.

### **3. Điểm yếu**

Nhân viên nấu ăn chưa có bằng trung cấp nấu ăn.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2020-2021 và những năm học tiếp theo, cán bộ quản lý duy trì nề nếp và động viên tinh thần làm việc nhiệt tình, tự học của đội ngũ nhân viên. Nhà trường chăm lo kịp thời các chế độ tiền lương, nguồn kinh phí hỗ trợ. Cụ thể, trường động viên nhân viên nấu ăn tham gia học lớp trung cấp nấu ăn.

### **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

#### **Kết luận về Tiêu chuẩn 2:**

#### **Điểm mạnh nổi bật**

Cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng và đạt trình độ đào tạo theo quy định, tâm huyết với nghề có tinh thần trách nhiệm cao, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ. 19/21 giáo viên tỉ lệ 90.47% đạt trình độ chuẩn, trên chuẩn đào tạo, có tinh thần học tập nâng cao trình độ chuyên môn, 100% giáo viên biết vận dụng ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác giảng dạy đem lại hiệu quả cao trong công tác giáo dục.

#### **Điểm yếu cơ bản**

Hiệu trưởng và 01 phó hiệu trưởng có thời gian công tác quản lý ngắn, chưa có nhiều kinh nghiệm.

Nhà trường còn 02/24 tỷ lệ 9.52% giáo viên đạt trình độ trung cấp.

Nhân viên nấu ăn chưa có bằng trung cấp nấu ăn

#### **\* Mức 1**

Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu: 03/03

Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/03

#### **\* Mức 2**

Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu: 02/03

Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 01/03

#### **\* Mức 3**

Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu: 00/03

Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 03/03

### **Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

**Mở đầu:** Nhà trường có tổng diện tích là 2.0031,9m<sup>2</sup>, khuôn viên trường có diện tích rộng với tường rào bao quanh, khu vực sân chơi có nhiều đồ dùng, đồ chơi, cây xanh, cây kiểng, nhiều mảng xanh tạo cảnh quan đẹp đáp ứng nhu cầu cho trẻ vận động, vui chơi, hoạt động. Các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố, đảm bảo yêu cầu về thiết kế theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Trường, lớp sạch sẽ thoáng mát, có đủ ánh sáng, bàn ghế phù hợp lứa tuổi và được trang bị đầy đủ các đồ dùng, đồ chơi, thiết bị theo hướng hiện đại, tiện ích, an toàn theo quy định.

#### ***Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn***

Mức 1:

*a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;*

*b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;*

*c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.*

Mức 2:

*a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;*

*b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;*

*c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).*

Mức 3:

*Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.*

### **1 Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có tổng diện tích đất 2.031,9 m<sup>2</sup> và tổng diện tích xây dựng là 1.037,57m<sup>2</sup>, trường đủ diện tích để 292 trẻ đến trường được học tập, sinh hoạt, vui chơi rộng rãi và thoải mái (bình quân 3.55m<sup>2</sup>/trẻ). Các công trình được xây dựng kiên cố, đúng quy cách, rộng rãi thoáng mát tạo điều kiện tốt trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ [H3-3.1-01].

b) Trường Mầm non Tân Hiệp có công, biển tên trường cùng với thông tin về địa chỉ, số điện thoại cố định. Khuôn viên trường được xây dựng hàng rào chắc chắn, bao bọc xung quanh ngăn cách với bên ngoài đảm bảo sạch sẽ, phù hợp với cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ em [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

c) Nhà trường có sân chơi được quy hoạch, thiết kế phù hợp với diện tích 1.001,3m<sup>2</sup>; có mảng xanh được chăm sóc và cắt tỉa gọn gàng tạo bóng mát; đảm bảo an toàn khi trẻ vận động, học tập vui chơi ngoài trời. Hiện chơi các nhóm lớp có chiều dài 16m; chiều rộng 2,2m đúng theo quy định Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Mức 2:

a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non [H1-1.6-01]. Trường có diện tích công trình xây dựng là (1.001,3m<sup>2</sup> x 100/2.031,9 m<sup>2</sup> = 49.28%) lớn hơn 40% không đảm bảo theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học,

trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Diện tích sân vườn (cây xanh, sân chơi, bãi tập) là  $902 \text{ m}^2 \times 100/2.031,9 \text{ m}^2 = 44.39\%$ ) lớn hơn 40% đảm bảo theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT [H3-3.1-01].

b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài. Trường có vườn cây, vườn rau và thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập và lĩnh hội kiến thức một cách nhẹ nhàng thoải mái [H3-3.1-02].

c) Khu vực chơi của trường có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định tại Thông tư 32/2012/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 9 năm 2012, ban hành danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non; có rào chắn an toàn được lát gạch, đổ bê tông đảm bảo vệ sinh, an toàn cho trẻ trong khi chơi. Có đa dạng các loại đồ chơi ngoài trời như: Đồ chơi liên hoàn vận động toàn thân, cầu trượt hai máng trượt, thang leo sắt, xích đu... Các đồ chơi ngoài trời đều có tấm thảm lót đảm bảo an toàn cho trẻ trong khi chơi [H3-3.1-05]; [H3-3.1-03]. Tuy nhiên, đồ chơi ngoài trời chưa hiện đại.

Mức 3:

Sân vườn có phân khu vực chơi từng lứa tuổi để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Hằng năm, trường có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ [H3-3.1-04]. Tuy nhiên, đồ chơi ngoài trời chưa hiện đại.

## **2. Điểm mạnh**

Diện tích sân chơi rộng, thoáng mát được thiết kế phù hợp, có đủ đồ chơi theo quy định. Sân trường có vườn rau xanh, sạch với cảnh quan đẹp tạo nhiều hứng thú cho trẻ khi tham gia hoạt động ngoài trời.

## **3. Điểm yếu**

Đồ chơi ngoài trời chưa hiện đại.

#### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục duy trì các công trình cây xanh, bổ sung thêm các loại cây kiểng, hoa mới để môi trường thêm đẹp. Trang bị thêm đồ chơi ngoài trời hiện đại hơn.

#### **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

***Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập***

Mức 1:

*a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm lớp theo độ tuổi;*

*b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;*

*c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.*

Mức 2:

*a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định*

*b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.*

Mức 3:

*Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.*

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có 11 phòng học, trong đó có 02 nhóm 25-36 tháng lót sàn bằng simili; 09 phòng lớp mẫu giáo được lót sàn bằng gạch cao cấp. Các phòng

đều được trang bị đầy đủ đồ dùng, trang thiết bị hiện đại, sắp xếp gọn gàng, sạch sẽ, khoa học thuận tiện chăm sóc, giáo dục trẻ [H3-3.1-02].

b) Phòng sinh hoạt chung của trẻ có diện tích 63m<sup>2</sup> (đảm bảo diện tích 2 m<sup>2</sup>/trẻ), có các cửa sổ nên thông thoáng, đủ ánh sáng cho trẻ sinh hoạt; vách tường và nền nhà được lát gạch men không gây trơn trượt cho trẻ. Mỗi nhóm, lớp đều có đủ bàn ghế cho trẻ sử dụng đúng quy cách và phù hợp với lứa tuổi. Môi trường ở các lớp học được trang trí phù hợp với từng độ tuổi, tạo nhiều cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động. Phòng ngủ của trẻ dùng chung với phòng sinh hoạt đảm bảo diện tích 2m<sup>2</sup>/trẻ, diện tích rộng rãi đủ để giáo viên sắp xếp chỗ ngủ cho trẻ thoải mái, tách biệt giữa bé trai và bé gái. Phòng ngủ được bố trí đầy đủ quạt máy đảm bảo cho trẻ thoáng mát vào mùa hè, ấm áp khi trời chuyển lạnh, luôn đảm bảo không gian yên tĩnh khi trẻ ngủ. Có đầy đủ đồ dùng phục vụ cho trẻ ngủ theo quy định. Nhà trường không có phòng giáo dục thể chất. Nhà trường tận dụng hành lang, sân để tổ chức cho trẻ hoạt động thể chất như: Ghế băng, trụ ném vòng, cầu thăng bằng, bộ tập gym, thang leo..., các nhạc cụ, đạo cụ [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03]; [H3-3.1-04].

c) Các phòng đều có hệ thống đèn chiếu sáng phù hợp, đúng theo quy định, xung quanh phòng có trang bị quạt treo tường, tủ, kệ đựng hồ sơ, đồ dùng, trang thiết bị phù hợp với chức năng của từng khu vực [H3-3.1-01]; [H3-3.1-04]; [H3-3.1-05].

#### Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, đảm bảo đạt chuẩn theo quy định. Nhà trường không có phòng giáo dục thể chất. [H3-3.1-02].

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng [H3-3.1-02].

#### Mức 3:

Trường không có phòng riêng để tổ chức cho trẻ phát triển thể chất, Chưa có phòng riêng cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học [H3-3.1-01].

## **2. Điểm mạnh**

Các phòng sinh hoạt chung đảm bảo an toàn, trang trí đẹp, có đủ đồ dùng; đảm bảo ấm áp về mùa lạnh thoáng mát về mùa hè. Có hệ thống đèn, quạt đảm bảo an toàn cho trẻ.

## **3. Điểm yếu**

Trường không có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với giáo dục thể chất, ngoại ngữ, tin học

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2020-2021 đến những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì đề xuất cấp trên xây dựng phòng thể chất, phòng cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.**

### ***Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị***

Mức 1:

- a) Có các loại phòng theo quy định;*
- b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;*
- c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự.*

Mức 2:

- a) Đảm bảo diện tích theo quy định;*
- b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.*

Mức 3:

*Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non*

## **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

- a) Trường được thiết kế đầy đủ các phòng theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ

sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Tuy nhiên trường chưa có phòng hội trường, phòng dành cho nhân viên [H3-3.1-02]..

b) Các phòng đều được trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc như: Máy vi tính kết nối mạng, máy in, bàn ghế làm việc, tủ đựng hồ sơ, có các biểu bảng theo quy định [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

c) Khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được bố trí 02 khu vực phía trước và phía sau khuôn viên trường hợp lý, có mái lợp tole, đảm bảo an toàn tiện lợi, trật tự [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Mức 2:

a) Các phòng hành chính - quản trị đảm bảo đủ diện tích theo quy định tại Điều lệ trường mầm non như: Phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị, phòng y tế, phòng bảo vệ ...Trường không có phòng hội trường, phòng dành cho nhân viên [H1-1.6-01]; [H3-3.1-01].

b) Nhà trường có bố trí hợp lý 02 khu vực phía trước và phía sau cho cán bộ, giáo viên, nhân viên để xe có mái lợp tole đảm bảo an toàn, trật tự, tiện lợi [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Mức 3:

Các phòng chưa đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có phòng hành chính quản trị với đầy đủ phương tiện, trang thiết bị phục vụ tốt cho công tác, có khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

## **3. Điểm yếu**

Trường chưa có phòng hội trường, phòng dành cho nhân viên.

Các phòng chưa đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì, bảo dưỡng, trang bị thêm trang thiết bị và phương tiện làm việc khi hư, sử dụng

hiệu quả các thiết bị để phục vụ tốt cho công tác chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục. Trường sẽ tìm nơi làm phòng nghỉ cho nhân viên.

### **5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.**

#### ***Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn***

*Mức 1:*

- a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;*
- b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;*
- c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.*

*Mức 2:*

*Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.*

*Mức 3:*

*Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

*Mức 1:*

- a) Khu vực nhà bếp được xây dựng kiên cố, thiết kế khoa học, thông thoáng, xung quanh tường bếp được ốp gạch men cao 1,8m; đảm bảo vệ sinh sạch sẽ, có đầy đủ các bảng biểu theo quy định [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].
- b) Kho thực phẩm sữa được sắp xếp ngăn nắp, được vệ sinh sạch sẽ, khô ráo, bảo quản tốt chất lượng sữa tránh gây ngộ độc cho trẻ. Có bảng ghi tồn kho theo quy định và được phân chia các khu riêng biệt cho mỗi loại [H3-3.1-02].
- c) Trường có tủ để lưu mẫu thức ăn hàng ngày của trẻ em theo quy định; các hộp lưu mẫu được sắp xếp ngăn nắp, niêm phong đúng quy định; đảm bảo đúng nhiệt độ để bảo quản thức ăn trong quá trình lưu nghiệm an toàn [H3-3.4-01].

*Mức 2:*

Nhà bếp có diện tích 87.49m<sup>2</sup>/292 trẻ - bình quân 0,3m<sup>2</sup>/trẻ đảm bảo theo quy định Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT, được sắp xếp theo quy trình vận hành bếp một chiều từ khu tiếp phẩm, khu sơ chế, khu rửa, khu cắt xắt, khu chế

biển, khu chia thức ăn. Có đầy đủ đồ dùng bằng inox như: Xe đẩy, tủ hấp cơm, hấp khăn, máy xay thịt, các dụng cụ được sắp xếp ngăn nắp, thuận tiện; bảng biểu phục vụ hoạt động bếp ăn; có tủ lạnh để lưu mẫu thực phẩm cho trẻ, đủ nước sử dụng và được xét nghiệm đạt tiêu chuẩn theo quy định; đảm bảo việc xử lý các chất thải đúng quy định; đảm bảo yêu cầu phòng chống cháy nổ [H3-3.1-01]; [H3-3.4-01]; [H3-3.4-02].

### Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non (quy định tại Khoản 1,2 Mục VI Phần II của QCVN 07/2010/BYT). Tường, trần nhà và sàn nhà được lát gạch men, đồ dùng của trẻ, dụng cụ để chế biến thức ăn đều được làm bằng inox, nhựa cao cấp thuận tiện cho việc vệ sinh khử khuẩn hàng ngày, tuần, tháng. Nhà trường còn trang bị 02 tủ lạnh (01 để đựng thực phẩm chờ nấu xé, 01 để lưu mẫu thức ăn). Có lắp đặt lavabo cho nhân viên nấu ăn rửa tay với xà phòng trước khi chế biến thức ăn, tiếp xúc với thực phẩm và khi tay dơ. Rác thực phẩm, thức ăn thừa được chứa đựng trong các thùng có nắp đậy và phân loại rác tại nguồn theo quy định thuận tiện cho việc làm vệ sinh vận chuyển. Tuy nhiên nhà bếp nơi nóng [H3-3.1-02].

## **2. Điểm mạnh**

Bếp ăn được xây dựng kiên cố, rộng, thoáng, trang bị đầy đủ đồ dùng phục vụ bán trú, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn, kho thực phẩm sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp và thuận tiện cho việc sử dụng.

## **3. Điểm yếu**

Nhà bếp nơi nóng

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo, nhà trường có kế hoạch bổ sung thêm quạt cho nhà bếp.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

### ***Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi***

### ***Mức 1:***

a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

## **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường có kế hoạch mua sắm đầy đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo quy định hướng dẫn tại 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 3 năm 2015 về việc ban hành Danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non. Các đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học được cán bộ, giáo viên, nhân viên sử dụng thường xuyên, phục vụ tốt cho công tác giảng dạy, vui chơi, sinh hoạt đem lại hiệu quả cao trong công tác nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ [H3-3.5-01]; [H3-3.5-02].

b) Nhà trường trang bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học ngoài danh mục quy định mang tính hiện đại và thiết bị, đồ dùng, đồ chơi giáo viên tự làm nhằm phát huy tính tích cực chủ động trong việc tìm tòi khám phá giúp trẻ phát triển các lĩnh vực theo Chương trình Giáo dục mầm non nhưng vẫn đảm bảo tính an toàn, đủ cho trẻ hoạt động [H3-3.5-03]. Tuy nhiên, các đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự tạo bằng nguyên vật liệu mở độ bền chưa cao.

c) Hằng năm, nhà trường tiến hành kiểm kê tài sản ở các nhóm lớp, có kế hoạch bảo quản, sửa chữa, thay thế, bổ sung, nâng cấp đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học, các thiết bị dạy học do giáo viên tự làm cho năm học sau phù hợp với kinh phí của nhà trường [H1-1.4-06]; [H1-1.6-02]; [H1-1.10-08]; [H3-3.5-03].

#### Mức 2:

a) Trường trang bị hệ thống máy tính được kết nối internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học. Mỗi phòng ban đều có máy tính kết nối mạng, sử dụng các phần mềm như: Phần mềm Imas; Emis; Mind Manager 8.0; phần mềm quản lý tài sản [H1-1.6-02]; [H1-1.6-04].

b) Nhà trường có đủ thiết bị dạy học đồ chơi, đồ dùng cá nhân theo quy định, sử dụng hiệu quả trong công tác chăm sóc và giáo dục trẻ tại Điều lệ trường mầm non [H1-1.6-02].

c) Hằng năm, trường có kế hoạch bổ sung, thay thế, nâng cấp thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 03 năm 2015 phù hợp như: Các loại đồ chơi lắp ráp, các khối và các đồ chơi tự tạo bằng nguyên vật liệu mở (trò chơi bé làm ca sĩ; ném vòng vào cổ chai,...) nhằm phục vụ tốt công tác chăm sóc và giáo dục trẻ [H3-3.5-01]; [H3-3.5-02]; [H3-3.5-03].

#### Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục [H3-3.5-03].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường trang bị đầy đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo quy định, đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp; thường xuyên kiểm tra, kiểm kê tài sản, có kế hoạch sửa chữa mua sắm đồ dùng, đồ chơi, thiết bị. Giáo viên quản lý tốt, sử dụng hiệu quả đồ dùng, đồ chơi, thiết bị tạo sự hứng thú cho trẻ.

### 3. Điểm yếu

Các đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự tạo bằng nguyên vật liệu mở độ bền chưa cao.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục đầu tư mua sắm thêm đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học; khuyến khích giáo viên, trẻ cùng làm đồ dùng dạy học, đồ chơi phục vụ cho hoạt động giáo dục. Vận động thêm nguồn lực từ phía phụ huynh học sinh trang bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học kịp thời, cần thiết, đáp ứng nhu cầu về sức khỏe, tinh thần, học tập của trẻ. Hướng dẫn giáo viên tự tạo đồ chơi bằng nguyên vật liệu mở cần chú ý đến độ bền cao.

### 5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

#### ***Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước***

##### *Mức 1:*

*a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;*

*b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;*

*c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.*

##### *Mức 2:*

*a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;*

*b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.*

### 1. Mô tả hiện trạng

##### *Mức 1:*

a) Các lớp có nhà vệ sinh riêng cho trẻ và cho giáo viên; Trường có 03 nhà vệ sinh có diện tích 3m<sup>2</sup>/phòng, dành riêng cho Cán bộ quản lý, nhân viên và phụ huynh nam và nữ thuận tiện trong sinh hoạt hằng ngày, đảm bảo không

ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên, chưa có nhà vệ sinh cho giáo viên tại nhóm, lớp [H1-1.6-01]; [H3-3.1-01].

b) Trường có hệ thống thoát nước, cống rãnh được xây có nắp đậy, đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.1-01]. Sử dụng nguồn nước máy trong sinh hoạt, dùng để chế biến thức ăn, vệ sinh cá nhân cho trẻ và thực hiện xét nghiệm vi sinh, lý hóa mỗi năm đều đạt tiêu chuẩn, sử dụng nước uống tinh khiết Birico cho trẻ, giáo viên [H3-3.6.03].

c) Trường thực hiện ký hợp đồng với Hợp tác xã Bảo Tín thu gom rác hằng ngày được vận chuyển đến nơi xử lý tập trung theo các quy định hiện hành, không có rác thải, nước thải tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường, khu vực thu gom rác có trang bị 05 thùng rác lớn, có nắp đậy, đảm bảo vệ sinh môi trường sạch sẽ [H3-3.6-02]. Khu vực sân chơi, nhà vệ sinh các lớp có thùng đựng, phân loại rác thải theo quy định [H3-3.1-02].

#### Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ được xây dựng liền kề với phòng sinh hoạt chung của mỗi lớp có diện tích  $22\text{m}^2$  (đảm bảo diện tích  $0.81\text{m}^2/\text{trẻ}$ ), được phân chia nam, nữ riêng biệt, thuận tiện cho việc sử dụng và quan sát, mỗi nhà vệ sinh đều có vòi nước rửa tay, ghế ngồi bô, vòi tắm đối với trẻ nhóm nhà trẻ. Khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định, có khu vệ sinh riêng cho nam và nữ. Nhà trường chưa có nhà vệ sinh cho giáo viên tại nhóm, lớp [H3-3.1-01].

b) Trường sử dụng hệ thống cung cấp nước sạch Trung An, đảm bảo đủ nước uống và nước dùng trong sinh hoạt cho trẻ, cán bộ, giáo viên, nhân viên. Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ GDĐT và Bộ Y tế, có cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường lớp, có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực nhà bếp, nhà vệ sinh, có thùng đựng và phân loại rác thải. Trường có kế hoạch phối hợp với Trạm y tế xã Tân Hiệp thu gom và xử lý rác thải của Phòng y tế [H3-3.6-01]. Bố trí đủ các thùng rác có nắp đậy để phân loại, chứa đựng rác tạm thời, thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng. Khu tập trung rác thải

được bố trí cách biệt với các khu vực khác và có lối ra vào riêng, rác được thu gom hằng ngày, không có rác tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường. Ngoài ra, trường có hợp đồng với cơ sở đủ điều kiện thu gom, xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt [H3-3.6-02].

## **2. Điểm mạnh**

Trường có hệ thống nước sạch, đảm bảo nguồn nước phục vụ cho mọi sinh hoạt trong nhà trường; hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh.

## **3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa có nhà vệ sinh cho giáo viên tại nhóm, lớp.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2020-2021, nhà trường tiếp tục duy trì hệ thống nước sạch, đảm bảo nguồn nước phục vụ cho mọi sinh hoạt trong nhà trường; hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Đồng thời, có kế hoạch dự trù sửa chữa trình Phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban Nhân dân huyện xem xét phê duyệt xây các nhà vệ sinh cho giáo viên ở mỗi nhóm, lớp.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.**

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 3:**

#### **Điểm mạnh nổi bật**

Trường có diện tích, khuôn viên và các công trình đảm bảo về thiết kế theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Các phòng sinh hoạt chung có đủ ánh sáng tự nhiên, thoáng mát, được trang trí đẹp. Nhà trường trang bị đầy đủ đồ dùng nhà bếp phục vụ trẻ ăn bán trú, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn, kho thực phẩm sữa sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp và thuận tiện cho việc sử dụng. Trường trang bị đầy đủ các đồ dùng, đồ chơi trong lớp và ngoài trời theo danh mục đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ.

#### **Điểm yếu cơ bản**

- Đồ chơi ngoài trời chưa hiện đại
- Trường không có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với âm nhạc, thể chất, ngoại ngữ, tin học

- Trường chưa có phòng hội trường, phòng dành cho nhân viên.
- Trường có bếp ăn chưa đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.
- Các đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự tạo bằng nguyên vật liệu mở độ bền chưa cao.
- Nhà trường chưa có nhà vệ sinh cho giáo viên tại nhóm, lớp.

**\* Mức 1**

Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06

Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06

**\* Mức 2**

Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu: 03/06

Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 03/06

**\* Mức 3**

Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu: 00/05

Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 05/05

**Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

**Mở đầu:** Trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh nhiệt tình năng nổ hoạt động theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp cùng nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp với hoạt động của nhà trường trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ. Trường làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đồng thời góp phần xây dựng cơ sở vật chất nhà trường ngày một khang trang.

***Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ***

Mức 1:

- a) *Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*
- b) *Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*
- c) *Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

Mức 2:

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.*

Mức 3:

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.*

### **1.Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường tiến hành tổ chức họp và bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh gồm 05 thành viên, trong đó có 01 trưởng ban, 01 phó ban, 01 thư ký và 02 ủy viên. Nhiều năm qua, Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục [H4-4.1-01].

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh có kế hoạch hoạt động từng năm học theo quy định của Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành [H4-4.1-01].

c) Nhà trường phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh đưa ra các biện pháp, hình thức tuyên truyền, hướng dẫn phụ huynh chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ, tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ thông qua họp đầu năm học, bản tin của trường, nhóm, lớp, đồng thời góp phần xây dựng cơ sở vật chất nhà trường ngày một khang trang [H4-4.1-01].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ trẻ phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục chăm sóc, giáo dục trẻ [H4-4.1-01]. Nhà trường có biện pháp, hướng dẫn tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ thông qua họp đầu năm học, bản tin của trường, lớp, mời bác sĩ đến báo cáo chuyên đề tại trường và tư vấn hướng dẫn cha mẹ trẻ về cách chăm sóc sức khỏe cho trẻ. Giáo viên các lớp và phụ huynh

thường xuyên trao đổi thông tin về tình hình sức khỏe, tình hình ăn ngủ của trẻ trong ngày qua giờ đón, trả trẻ, sổ bé ngoan, sổ liên lạc để có sự thống nhất trong chăm sóc giáo dục trẻ. Tuy nhiên, hình thức tuyên truyền chưa phong phú, đa dạng nên chưa thu hút được sự quan tâm nhiều của phụ huynh [H4-4.1-01].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành [H4-4.1-01].

## **2. Điểm mạnh**

Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo Điều lệ ban hành, phối hợp cùng nhà trường, giáo viên trong việc hướng dẫn tuyên truyền, phổ biến pháp luật; xây dựng kế hoạch hoạt động có hiệu quả trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ, làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đồng thời góp phần xây dựng cơ sở vật chất nhà trường ngày một khang trang.

## **3. Điểm yếu**

Hình thức tuyên truyền chưa phong phú, đa dạng nên chưa thu hút được sự quan tâm nhiều của phụ huynh.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục duy trì tổ chức các buổi chuyên đề nhằm tuyên truyền đến phụ huynh những kiến thức về chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ. Đẩy mạnh công tác phối hợp, tạo cầu nối vững chắc giữa nhà trường và gia đình, giữa giáo viên và phụ huynh, dùng nhiều hình thức tuyên truyền đa dạng và phong phú hơn để tạo sự quan tâm nhiều hơn của phụ huynh.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

***Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường***

Mức 1:

- a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;
- b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;
- c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

- a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;
- b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

*Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

- a) Hằng năm, trường tham mưu, phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp trong việc huy động trẻ 05 tuổi ra lớp đạt tỷ lệ 100% theo Đề án phổ cập Giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi [H4-4.2-01]; đề xuất Ủy ban nhân dân xã các biện pháp giữ gìn an ninh trật tự xung quanh trường; ký kết quy chế phối hợp với Ban chỉ huy Công an xã Tân Hiệp về đảm bảo an ninh trường học [H1-1.10-01].

- b) Nhà trường Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường tuyên truyền nâng cao nhận thức và

trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức như: Thông qua các cuộc họp giữa nhà trường và cha mẹ học sinh, trao đổi giữa cán bộ, giáo viên và cha mẹ học sinh [H4-4.1-01].

c) Nhà trường huy động nguồn lực từ cá nhân, tổ chức để hỗ trợ, tài trợ các hoạt động trên tinh thần tự nguyện và sử dụng các nguồn lực hợp pháp đúng quy định theo hướng dẫn tại Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ GDĐT quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân qua việc hiệu trưởng lập kế hoạch, triển khai đến toàn thể phụ huynh trong buổi họp đầu năm, được phụ huynh nhất trí cao [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02]. Nhà trường chưa huy động được nhiều nguồn lực xã hội để bổ sung cơ sở vật chất cho nhà trường.

Mức 2:

a) Hằng năm, nhà trường phối hợp với chính quyền địa phương và Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn hỗ trợ 100% học phí cho học sinh thuộc hộ nghèo, học sinh thuộc dân tộc Khơ-me, Chăm theo quy định Nhà nước tạo điều kiện giúp các trẻ tiếp tục đến trường [H4-4.2-02]; hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non [H4-4.2-01]. Tham mưu với cấp ủy Đảng, Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp, phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn xây dựng đơn vị văn hoá, trường học an toàn, an ninh, trật tự phục vụ tốt công tác chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ tại đơn vị, tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H1-1.1-02].

b) Trong từng năm học, nhà trường có kế hoạch phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể như: Đoàn Thanh niên, Hội khuyến học, Ban đại diện cha mẹ học sinh trong tổ chức các lễ hội, sự kiện, cụ thể: tham gia các tiết mục văn nghệ chào mừng đại hội... [H4-4.2-02].

Mức 3:

Nhà trường chưa có sự tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn cho trẻ.

## **3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa huy động được nhiều nguồn lực xã hội để bổ sung cơ sở vật chất cho nhà trường.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục duy trì và phát huy có hiệu quả việc tham mưu với chính quyền địa phương, đồng thời huy động được nhiều nguồn lực xã hội, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương, tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu chăm sóc giáo dục trẻ.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 4:**

#### **Điểm mạnh nổi bật**

Ban đại diện Cha mẹ học sinh hoạt động theo Thông tư 55/2011/TT-Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và đồng hành cùng nhà trường trong các hoạt động của đơn vị. Nhà trường làm tốt công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường, có mối liên hệ mật thiết với phụ huynh học sinh và chính quyền địa phương để giữ gìn an ninh trật tự, tài sản, huy động được các nguồn lực giúp nhà trường thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

#### **Điểm yếu cơ bản**

Hình thức tuyên truyền chưa phong phú, đa dạng nên chưa thu hút được sự quan tâm nhiều của phụ huynh.

Nhà trường chưa huy động được nhiều nguồn lực xã hội để bổ sung cơ sở vật chất cho nhà trường.

**\* Mức 1**

Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02

Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02

**\* Mức 2**

Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02

Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02

**\* Mức 3**

Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu: 00/02

Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 02/02

**5. Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ**

**Mở đầu:**

Nhà trường đã triển khai Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo chỉ đạo của ngành, giáo viên biết sử dụng phương pháp dạy học tích cực, hình thức giáo dục đa dạng nhằm giúp trẻ phát triển tốt về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, thẩm mỹ, hình thành cho trẻ một số kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, giúp trẻ có hành vi, thói quen, tự tin, chủ động, biết bày tỏ cảm xúc và ý kiến cá nhân, đoàn kết với bạn bè, mạnh dạn trong giao tiếp, lễ phép với người lớn đáp ứng được mục tiêu của Chương trình Giáo dục mầm non. Trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì luôn được quan tâm chăm sóc.

Chính vì vậy, việc nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ là mục tiêu cơ bản, nhiệm vụ hàng đầu của trường Mầm non Tân Hiệp trong những năm qua nhằm hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách và chuẩn bị tâm thế cho trẻ vào lớp Một.

***Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non***

***Mức 1:***

*a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;*

*b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;*

*c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.*

*Mức 2:*

*a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;*

*b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.*

*Mức 3:*

*a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương.*

*b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

*Mức 1:*

*a) Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non theo kế hoạch từng năm học phù hợp với chỉ đạo của ngành và đặc điểm tình hình của từng nhóm lớp [H1-1.1-01]; [H1-1.4-03]; [H1-1.8-06].*

*b) Trong quá trình thực hiện kế hoạch năm học, tùy tình hình nhận thức của trẻ trong nhóm, lớp và đặc điểm cơ sở vật chất của nhà trường, 100% giáo viên các nhóm, lớp phát triển Chương trình Giáo dục mầm non theo đúng tinh thần của Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành [H1-1.8-06]; [H5-5.1-01].*

c) Cán bộ quản lý nhà trường kết hợp chặt chẽ cùng giáo viên nhóm, lớp định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế [H1-1.4-03]; [H1-1.8-06]; [H1-1.8-07].

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý xây dựng kế hoạch năm học, chỉ đạo tổ chuyên môn cùng giáo viên các nhóm, lớp xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp với khả năng, nhu cầu của trẻ. Đảm bảo tổ chức thực hiện có chất lượng, đạt hiệu quả Chương trình Giáo dục mầm non. Kết quả 100% nhóm lớp xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non theo đúng kế hoạch đề ra [H1-1.8-08]; [H1-1.8-09]; [H5-5.1-02].

b) Nhà trường phát triển Chương trình Giáo dục mầm non theo đúng Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế, văn hóa địa phương đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ [H5-5.1-01].

Mức 3:

a) Nhà trường phát triển Chương trình Giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và lựa chọn Chương trình giáo dục phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương nhưng chưa theo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới [H1-1.7-01].

b) Hằng năm nhà trường tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục nhằm kịp thời điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em [H1-1.7-01].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường tổ chức thực hiện tốt Chương trình Giáo dục mầm non theo đúng kế hoạch đề ra, có sự theo dõi định kỳ rà soát và đánh giá việc thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non để giáo viên có sự điều chỉnh kịp thời và phát triển Chương trình Giáo dục mầm non phù hợp với điều kiện, văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng, nhu cầu của trẻ em góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của nhà trường.

### 3. Điểm yếu

Giáo viên chưa mạnh dạn tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới khi phát triển Chương trình Giáo dục mầm non.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục thực hiện tốt và phát triển Chương trình Giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, theo đúng kế hoạch đề ra đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ em phù hợp với văn hóa địa phương. Cán bộ quản lý động viên, hướng dẫn giáo viên mạnh dạn học tập chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của nhà trường

### 5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

#### ***Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ***

Mức 1:

*a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;*

*b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;*

*c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.*

Mức 2:

*Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.*

Mức 3:

*Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.*

### 1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Giáo viên nghiêm túc thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trên cơ sở vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học đảm bảo

phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục và phù hợp với đặc điểm tình hình của nhóm lớp, điều kiện nhà trường cũng như đặc điểm phát triển của cá nhân trẻ. Tuy nhiên, còn 03/21 giáo viên, tỉ lệ 14.28% chưa linh hoạt trong đổi mới phương pháp giảng dạy [H1-1.7-01]; [H5-5.2-01].

b) Giáo viên chú trọng tổ chức xây dựng môi trường trong và ngoài lớp được tổ chức theo quan điểm giáo dục “Lấy trẻ làm trung tâm” tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm dựa trên hứng thú, nhu cầu của trẻ; Các nhóm, lớp sử dụng sản phẩm của trẻ để trang trí, các mảng tường được thiết kế các bài tập cho trẻ thực hiện; sân chơi tận dụng các ngõ ngách thiết kế các trò chơi hoạt động. Hằng năm, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch năm học của đơn vị đều gắn nội dung hoạt động lễ hội, văn nghệ, vui chơi theo từng tháng, từng năm học và thực hiện đúng tiến độ. Xây dựng kế hoạch tổ chức các lễ hội đều có phần lễ, phần hội, mang đậm ý nghĩa. Đưa các trò chơi dân gian, các bài ca dao, đồng dao, bài hát dân ca phù hợp với từng lứa tuổi vào kế hoạch giáo dục và tổ chức thực hiện thông qua hoạt động vui chơi ngoài trời, hoạt động vui chơi trong lớp và được lồng ghép mọi lúc mọi nơi [H1-1.8-08]; [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02].

c) Khi tổ chức các hoạt động giáo dục giáo viên lựa chọn nhiều hình thức đa dạng để trẻ được thực hành, trải nghiệm phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế tại nhóm lớp [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02].

#### Mức 2:

Trẻ được tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh thông qua các hoạt động thực hành, trải nghiệm. Các hoạt động được giáo viên tổ chức bằng nhiều hình thức như: Hoạt động khám phá, vui chơi trong lớp, vui chơi ngoài trời...phù hợp với nhận thức của lứa tuổi. Giáo viên nghiêm túc thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trên cơ sở vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục và phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường cũng như đặc điểm phát triển của cá nhân trẻ [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02].

#### Mức 3:

Giáo viên tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế tại nhóm lớp. Chú trọng tổ chức môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm nhằm tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm dựa trên hứng thú, nhu cầu của trẻ; đánh giá đúng, tôn trọng và phát huy được khả năng, thế mạnh của mỗi trẻ; tạo điều kiện giúp mỗi đứa trẻ đều có cơ hội tốt nhất để phát triển [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02].

## **2. Điểm mạnh**

Giáo viên linh hoạt tổ chức các hoạt động đa dạng, phong phú, tích hợp phù hợp, giao tiếp nhẹ nhàng với trẻ nhằm giúp trẻ tích cực tham gia các hoạt động. Qua đó giúp trẻ mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp, chủ động, tích cực, tìm tòi, khám phá thông qua các hoạt động học tập, hoạt động vui chơi mọi lúc mọi nơi.

## **3. Điểm yếu**

Còn 05/21 giáo viên, tỉ lệ 23.80% chưa linh hoạt trong đổi mới phương pháp giảng dạy.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo, cán bộ quản lý chỉ đạo giáo viên cần tổ chức đa dạng các hoạt động, tạo cơ hội để trẻ trải nghiệm, khám phá, làm việc theo nhóm; động viên trẻ độc lập trong suy nghĩ, thường xuyên tạo ra những tình huống để giúp trẻ tự tìm ra cách giải quyết vấn đề phù hợp với lứa tuổi, cần chú ý động viên những bé nhút nhát, thụ động. Cán bộ quản lý có kế hoạch tổ chức cho trẻ tham quan học tập ngoại khóa để trẻ có cơ hội tiếp xúc với môi trường xung quanh.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

### ***Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe***

#### ***Mức 1:***

*a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;*

*b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;*

*c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

*Mức 2:*

*a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;*

*b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;*

*c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

*Mức 3:*

*Có ít nhất 95% trẻ em khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

*Mức 1:*

a) Ngay từ đầu năm học, nhà trường phối hợp với Trung tâm y tế huyện Hóc Môn tổ chức khám sức khỏe phân loại tình trạng dinh dưỡng cho bé. Ngoài ra, nhà trường còn phối hợp chặt chẽ với Trạm y tế chăm lo sức khỏe cho bé như tiêm ngừa vắc-xin sởi; phòng chống dịch bệnh Covid -19; sốt xuất huyết; tay chân miệng... [H1-1.8-09]; [H1-1.10-04]; [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02].

b) Nhà trường có 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định [H1-1.8-09]; [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03].

c) 100% trẻ em suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, thường xuyên theo dõi chế độ dinh dưỡng cho trẻ, thực hiện nghiêm túc sổ sách bán trú. Có chế độ dinh dưỡng riêng cho trẻ suy dinh dưỡng, trẻ cận suy dinh dưỡng, trẻ thừa cân - béo phì như: tuyên truyền tranh ảnh và các chế độ ăn cho trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì. Kết hợp cho trẻ thực hiện các bài tập vận động hằng ngày phù hợp với từng độ tuổi. Nhà

trường có các biện pháp để hạn chế tốc độ tăng cân, bằng các hình thức tuyên truyền với cha mẹ học sinh như: cho trẻ uống sữa không béo hàng ngày, cho trẻ ăn các món ăn nên chế biến ở dạng luộc, hấp, tránh chiên xào, cho trẻ ăn nhiều rau, nhiều trái cây, chú trọng bữa ăn sáng, giảm ăn về chiều tối, tăng cường cho trẻ hoạt động thể lực..., tổ chức tăng vận động cho trẻ thừa cân béo phì. Năm học 2020-2021, tình trạng dinh dưỡng của trẻ em cải thiện so với đầu năm học, số lượng trẻ thừa cân - béo phì 43/362-tỉ lệ:11.89%, cháu sức khỏe bình thường: 273/326 - tỉ lệ: 83.74%. Trẻ suy dinh dưỡng được bổ sung thêm trong khẩu phần ăn xé như: phô mai, uống sữa,... Xóa suy dinh dưỡng thể nhẹ cân 10/10 trẻ, tỷ lệ 100%; xóa suy dinh dưỡng thể thấp còi 6/326, tỷ lệ 1.79% [H1-1.8-09]; [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03]; [H5-5.3-04]; [H5-5.3-05]; [H5-5.3-06].

#### Mức 2:

a) Nhà trường có kế hoạch tổ chức tuyên truyền, tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ em trong công tác phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì cho trẻ như: Mời bác sĩ tư vấn chế độ dinh dưỡng hợp lý dành cho trẻ đến phụ huynh; tuyên truyền kiến thức khoa học về tác hại, nguyên nhân dẫn đến tình trạng dư cân, béo phì ... [H1-1.8-09]; [H5-5.3-05].

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ em tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 777/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2017 (điều chỉnh lại điểm d khoản 2 Điều 1 Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT). Tổ chức xây dựng chế độ ăn đảm bảo khẩu phần dinh dưỡng, phù hợp với độ tuổi của trẻ. Thực đơn được xây dựng đa dạng, phong phú, theo ngày, theo tuần, theo mùa. Các thực đơn trong tuần không trùng lặp nhau gồm một bữa chính và hai bữa phụ, ngoài ra trẻ còn được uống sữa, ăn yaourt, kem, bánh flan... [H5-5.3-06].

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

#### Mức 3:

Tính đến thời điểm đánh giá có 273/326 - tỉ lệ: 83.74%. trẻ em khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường [H1-1.10-02].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có chế độ chăm sóc phù hợp với từng đối tượng trẻ, có kế hoạch cụ thể triển khai đến các cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ thông qua bảng tuyên truyền, sổ liên lạc để biết được tình hình sức khỏe của bé.

## **3. Điểm yếu**

Công tác giảm tỉ lệ trẻ thừa cân - béo phì chưa đạt hiệu quả cao.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục thực hiện mô hình, tăng cường phối hợp với đoàn thể trong trường và phụ huynh trong công tác phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì tại đơn vị. Tập thể nhà trường tuyên truyền đến cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ các thông tin kiến thức trong việc đảm bảo chế độ ăn hợp lý cho trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì không vượt quá tỷ lệ 10% so với số trẻ trong trường.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

### ***Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục***

Mức 1:

*a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi.*

*b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%.*

*c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.*

Mức 2:

*a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;*

*b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;*

*c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.*

*Mức 3:*

*a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%.*

*b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

a) Nhà trường luôn tạo tâm thế tốt để trẻ đến trường: xây dựng môi trường thân thiện, thay mới đồ dùng đồ chơi ngoài trời, các lớp thoáng mát. Vì vậy, trẻ rất vui thích khi đến trường, tỷ lệ chuyên cần của trẻ toàn trường đạt 270/292 tỷ lệ 91,45 %, trong đó tỷ lệ chuyên cần đối với trẻ 5 tuổi đạt 96.73%; trẻ dưới 5 tuổi đạt 92,20% [H1-1.5-01]; [H1-1.8-09].

b) Trường thực hiện tốt kế hoạch công tác phổ cập giáo dục mầm non và nâng cao chất lượng giáo dục trẻ 5-6 tuổi được chuẩn bị một cách đầy đủ tâm thế để thích nghi vào lớp Một trẻ 5-6 tuổi hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non, đạt tỷ lệ 100% [H4-4.2-01].

c) Năm học 2017-2018 đến nay trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập. Trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân [H1-1.5-01].

**Mức 2:**

a) Giáo viên phối hợp tốt với phụ huynh và quản lý trẻ hàng ngày, khi cháu vắng giáo viên liên hệ với phụ huynh để biết lý do cháu nghỉ học, phụ huynh báo trước hoặc gửi đơn nghỉ học, trẻ đi học chuyên cần đạt tỷ lệ 92,46%; trong đó tỷ lệ chuyên cần đối với trẻ 5-6 tuổi đạt 148/153 – tỷ lệ: 96.73%; 92,20% đối với trẻ dưới 5-6 tuổi [H1-1.5-01].

b) Trường thực hiện tốt kế hoạch công tác phổ cập giáo dục mầm non và nâng cao chất lượng giáo dục trẻ 5-6 tuổi được chuẩn bị một cách đầy đủ tâm thế để thích nghi vào lớp Một; trẻ 5-6 tuổi hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non, đạt tỷ lệ 100% [H4-4.2-01].

c) Năm học 2017-2018 đến nay trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập.

Mức 3:

a) Trường có 153/153 trẻ, tỷ lệ 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non [H1-1.5-01]; [H4-4.2-01].

b) Năm học 2017-2018 đến nay trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập.

## **2. Điểm mạnh**

Trường có sự phối hợp tốt với chính quyền, các ban ngành đoàn thể địa phương và phụ huynh trong công tác huy động trẻ 5-6 tuổi đến trường và đảm bảo trẻ được hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non.

## **3. Điểm yếu**

Tỷ lệ chuyên cần của trẻ nhà trẻ chưa cao.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo trường tiếp tục tăng cường tuyên truyền, phối hợp với các đoàn thể trong phường và phụ huynh thực hiện tốt đề án phổ cập giáo dục mầm non và duy trì được tỷ lệ chuyên cần của trẻ, có kế hoạch bổ sung thêm nhiều tài liệu về giáo dục trẻ khuyết tật.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

## **Kết luận về Tiêu chuẩn 5:**

### **Điểm mạnh nổi bật**

Trẻ thói quen làm một số việc tự phục vụ bản thân trong ăn uống, vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và giữ gìn sức khỏe. Trẻ thích tham gia vào các hoạt động khám phá tìm hiểu thế giới xung quanh một cách tích cực và diễn đạt bằng ngôn ngữ riêng của mình theo từng lứa tuổi. Trẻ đạt được một số kỹ năng ban đầu trong nghệ thuật và văn nghệ, trẻ 5-6 tuổi được theo dõi đánh giá theo

Bộ chuẩn phát triển trẻ 5-6 tuổi và hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non.

### **Điểm yếu cơ bản**

Giáo viên chưa mạnh dạn tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới khi phát triển Chương trình Giáo dục mầm non.

Còn 03/21 giáo viên, tỉ lệ 14.28% chưa linh hoạt trong đổi mới phương pháp giảng dạy.

Công tác giảm tỉ lệ trẻ thừa cân – béo phì chưa đạt hiệu quả cao.

Tỷ lệ chuyên cần của trẻ nhà trẻ chưa cao.

#### **\* Mức 1**

Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04.

Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04

#### **\* Mức 2**

Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04.

Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04

#### **\* Mức 3**

Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu: 00/04.

Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 04/04

### **Phần III. KẾT LUẬN CHUNG**

Qua quá trình tiến hành tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục nhằm xác định mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn nhằm thông báo công khai với cơ quan quản lý nhà nước, kết quả trường Mầm non Tân Hiệp đạt được thể hiện qua các chỉ báo đạt yêu cầu, các tiêu chí đạt yêu cầu kiểm định chất lượng giáo dục như sau:

Trường đạt được những kết quả cụ thể về các tiêu chí như sau:

- Số lượng và tỷ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt Mức 1:

+ Số lượng các tiêu chí đạt 25/25 tỷ lệ: 100%

+ Số lượng các tiêu chí không: 00/25 tỷ lệ: 0%

- Số lượng và tỷ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt Mức 2:

+ Số lượng các tiêu chí: 16/25 tỷ lệ: 64%

- + Số lượng các tiêu chí không đạt: 09/25      tỷ lệ: 36%
- Số lượng và tỷ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt Mức 3:
- + Số lượng các tiêu chí đạt: 00/19      tỷ lệ: 00%
- + Số lượng các tiêu chí không đạt: 19/19      tỷ lệ: 100%
- Mức đánh giá trường Mầm non Tân Hiệp: Mức 1.

Trường Mầm non Tân Hiệp đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1

Trên đây là toàn bộ báo cáo tự đánh giá chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục của trường Mầm non Tân Hiệp về công tác kiểm định chất lượng giáo dục đối với trường mầm non. Nhà trường kính mong được sự quan tâm, hướng dẫn của các cấp lãnh đạo, đoàn thể, chính quyền địa phương cùng đóng góp ý kiến để trường tiếp tục phát huy điểm mạnh, khắc phục những điểm yếu, không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, đáp ứng được niềm tin yêu của phụ huynh, nhu cầu của xã hội và mục tiêu giáo dục mầm non./.

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 5 năm 2021*

**HIỆU TRƯỞNG**

**Lý Tú Hồng**

